

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI****BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2020/TT-BLĐTBXH

*Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2020***THÔNG TƯ****Ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề,
công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm***Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động;**Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.***Điều 1. Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm**

Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hằng năm, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, người sử dụng lao động chủ động rà soát, đánh giá Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo phương pháp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định để đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ và quản lý trong từng thời kỳ.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2021.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các Quyết định, Thông tư sau hết hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13 tháng 10 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

b) Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30 tháng 7 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

c) Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

d) Quyết định số 190/1999/QĐ-BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

đ) Quyết định số 1580/2000/QĐ-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

e) Quyết định số 1152/2003/QĐ-BLĐTBXH ngày 18 tháng 9 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

g) Thông tư số 36/2012/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành bổ sung danh mục nghề, công việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

h) Thông tư số 15/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

3. Thời gian người lao động làm các nghề, công việc ban hành kèm theo các Quyết định, Thông tư bị bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2 Điều này vẫn được tính là thời gian làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cho đến ngày Thông tư này có hiệu lực.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung

**DANH MỤC NGHỀ, CÔNG VIỆC NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM VÀ NGHỀ, CÔNG VIỆC
ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM**

(Kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
Điều kiện lao động loại VI		
1	Khoan đá bằng búa máy cầm tay trong hầm lò	Nơi làm việc chật hẹp, thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí, công việc nặng nhọc, nguy hiểm ảnh hưởng bụi, ồn và rung vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
2	Khai thác mỏ hầm lò	Nơi làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí, công việc thủ công, rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn, CO ₂ .
3	Sấy, nghiền, trộn, đóng gói, vật liệu nổ	Công việc độc hại, nguy hiểm, thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, ồn, bụi và hóa chất độc (TNT, Cl ₂ , Licacmon...)
4	Lái máy xúc dung tích gầu từ 8m ³ trở lên	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của bụi, ồn và rung vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.
5	Đội viên cứu hộ mỏ	Nghề đặc biệt nguy hiểm
6	Khai thác quặng kim loại màu bằng phương pháp hầm lò	Nơi làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí, ẩm ướt, công việc thủ công, rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn, khí CO ₂
7	Vận hành các thiết bị công nghệ luyện kim bằng phương pháp thủy, hỏa luyện (đồng, kẽm, thiếc, Titan, Crom, Vonfram,...)	Làm việc trong môi trường nhiệt độ cao, bụi, asen, hơi khí độc, hóa chất

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
Điều kiện lao động loại V		
1	Khoan khai thác đá bằng búa máy cầm tay	Làm việc trên các sườn núi đá, công việc nặng nhọc, nguy hiểm ảnh hưởng của bụi, ồn và rung rất lớn
2	Vận hành khoan xoay cầu, khoan búa ép hơi	Làm ngoài trời, nguy hiểm, tiếp xúc thường xuyên với ồn cao và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép rất nhiều lần
3	Sửa chữa cơ điện trong hầm lò	Nơi làm việc chật hẹp, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, bụi than
4	Vận hành trạm quạt khí nén, điện, diesel, trạm sạc ắc quy trong hầm lò	Nơi làm việc chật hẹp, nguy hiểm, thiếu dưỡng khí, chịu tác động của ồn, bụi và nóng
5	Thợ sắt, thợ thoát nước trong hầm lò	Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn và CO ₂
6	Lái, phụ lái đầu máy xe lửa chở than	Công việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung và bụi.
7	Vận tải than trong hầm lò	Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, bụi và nóng
8	Đo khí, đo gió, trực cửa gió, trắc địa, KCS trong hầm lò	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, ảnh hưởng của ồn, nóng, bụi
9	Chỉ đạo kỹ thuật trực tiếp trong hầm lò	Giải quyết nhiều công việc phức tạp, nơi làm việc nóng, bụi và nguy hiểm
10	Thủ kho mìn trong hầm lò	Công việc độc hại, nguy hiểm, ảnh hưởng của ồn, nóng và bụi
11	Lấy mẫu, hóa nghiệm phân tích than	Thường xuyên tiếp xúc với nóng, bụi, CO và các hóa chất độc khác
12	Làm và sửa chữa đường mỏ	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của nóng, bụi và ồn
13	Vận hành máy khoan super, khoan sông đơ, khoan đập cáp trên các mỏ lộ thiên	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn và rung lớn

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
14	Bản mìn lộ thiên	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, bụi và khí NO ₂
15	Khai thác đá thủ công	Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của nóng, bụi và ồn, dễ mắc bệnh nghề nghiệp
16	Lái, phụ xe, áp tải xe chở vật liệu nổ	Công việc độc hại, nguy hiểm, chịu tác động cả bụi, ồn và rung
17	Thuyền viên, kỹ thuật viên, thợ máy tàu vận tải thủy chở vật liệu nổ	Công việc độc hại, nguy hiểm, chịu tác động của sóng nước, ồn và rung
18	Bảo quản, bốc xếp vật liệu nổ	Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, khí độc
19	Thử nổ	Làm việc ngoài trời, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, bụi và NO ₂
20	Bản mìn để khai thác cao lanh	Làm việc ngoài trời nặng nhọc, nguy hiểm; chịu tác động của tiếng ồn, bụi đất đá có hàm lượng SiO ₂ cao
21	Rèn búa máy từ 1 tấn trở lên	Chịu tác động của nhiệt độ cao, rung động lớn và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép
22	Chỉ đạo sản xuất trực tiếp trong hầm lò (quản đốc, phó quản đốc, đội trưởng lò, lò trưởng)	Giải quyết nhiều công việc phức tạp; nơi làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí, chịu tác động của bụi, ồn, khí CO ₂
23	Khai thác quặng kim loại màu bằng phương pháp lộ thiên, bán lộ thiên	Công việc thủ công, nóng, thường xuyên tiếp xúc với bụi độc, thiếu dưỡng khí
24	Vận hành các thiết bị tuyển quặng kim loại màu bằng phương pháp tuyển nổi, tuyển trọng lực, tuyển từ (hóa, tách, ngâm, chiết,...)	Chịu tác động tiếng ồn cao, bụi, độc hóa chất, asen, oxit kim loại...
25	Vận hành các thiết bị phụ trợ trong công nghệ luyện kim (đồng, kẽm, thiếc, Vonfram, Titan, Crom,...) bằng phương pháp thủy, hòa luyện	Thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, asen, khí độc, hóa chất

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
26	Nhân viên, công nhân giám sát an toàn trong hầm lò; công nhân vận hành, sửa chữa các thiết bị trong hầm lò; vận hành và phụ tải điện, tàu ác quy trong hầm lò; vận hành, sửa chữa, nạp ác quy trong hầm lò; nghiệm thu các sản phẩm trong hầm lò; thủ kho các loại trong hầm lò; bảo vệ kho trong hầm lò; quét dọn hầm vệ sinh, nạo vét bùn trong hầm lò; vận chuyển vật liệu trong hầm lò; trực gác tín hiệu trong hầm lò; phục vụ bồi dưỡng trong hầm lò; lắp đặt, sửa chữa hệ thống thông tin liên lạc trong hầm lò; vận hành trạm mạng trong hầm lò; trực gác cửa gió trong hầm lò; đo khí, đo gió trong hầm lò	Nơi làm việc chật hẹp, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, bụi than và khí CO ₂
27	Công nhân điện phân (chăm sóc, ra vào các tấm dương cực, âm cực, bùn...), sản xuất đồng thời	Làm việc trong môi trường nhiệt độ cao, bụi, nhiều loại hơi khí độc, nguy cơ bị bỏng hơi axit cao
28	Thao tác xử lý bùn điện phân, thu hồi kim loại quý trong sản xuất kim loại màu	Thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, asen, khí độc, oxit kim loại...
29	Sửa chữa lò nấu luyện sản xuất kim loại màu	Thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, asen, khí độc, oxit kim loại...
30	Vệ sinh công nghiệp trong sản xuất kim loại màu	Công việc thủ công, nóng, thường xuyên tiếp xúc với bụi độc và các hơi khí độc, dung môi khác
31	Công nhân trộn, đổ bê tông trong hầm lò	Nơi làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí, công việc thủ công nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, nóng, bụi
32	Quan trắc khí mỏ trong hầm lò	Thường xuyên làm việc trong hầm lò, nơi làm việc chật hẹp, nguy hiểm, thiếu dưỡng khí, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, nóng, bụi

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
33	Lái máy gạt, ủi có công suất từ 180 CV trở lên	Tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của bụi, ồn cao và rung mạnh
34	Vận hành thiết bị gia nhiệt ống chùm tiền khử silic, bồn kiềm, khử silic nhà máy Alumin	Chịu nhiệt độ cao, tiếp xúc hơi kiềm và nguồn phóng xạ; tiếng ồn vượt chỉ tiêu cho phép
35	Vận hành thiết bị gia nhiệt ống chùm khu vực hòa tách; tách hơi nhà máy Alumin	Chịu nhiệt độ cao, tiếp xúc hơi kiềm và nguồn phóng xạ; tiếng ồn vượt chỉ tiêu cho phép
36	Vận hành khu vực lọc hydrat và nung Alumin	Công việc nặng nhọc độc hại chịu tác động của bức xạ nhiệt, khí CO; tiếng ồn, rung vượt chỉ tiêu cho phép
37	Vận hành lò khí hóa than	Chịu tác động nhiệt độ, nóng, ồn, rung, bụi, khí H ₂ ; CO; CO ₂ cao
Điều kiện lao động loại IV		
1	Vận hành bơm tuyến quặng sắt trong hầm	Làm việc dưới hầm sâu, lầy lội, chật hẹp, thiếu ánh sáng, ảnh hưởng của tiếng ồn
2	Vận hành máy sàng quay to tuyến quặng sắt	Làm việc trên sàn cao, chịu tác động của tiếng ồn cao
3	Vận hành máy nghiền to tuyến quặng sắt	Làm việc dưới hầm sâu, chật hẹp, lầy lội, thiếu ánh sáng, ảnh hưởng của ồn
4	Vận hành băng tải tuyến quặng sắt hầm ngầm	Công việc nặng nhọc, ồn cao
5	Vận hành máy sàng rung tuyến quặng sắt	Ảnh hưởng của tiếng ồn và rất rung
6	Vận hành máy nghiền bi tuyến quặng	Làm việc trong điều kiện lầy lội ẩm ướt, tiếng ồn cao
7	Vận hành máy nghiền vừa tuyến quặng	Thường xuyên tiếp xúc với tiếng ồn cao. Làm việc trên sàn, đi lại liên tục
8	Vận hành súng bắn nước tuyến quặng	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, tiếng ồn cao
9	Sửa chữa cơ điện trên các mô lô thiên	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, dầu mỡ và bụi
10	Vận hành máy bơm nước dưới moong	Chịu tác động của ồn, rung và nóng

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
11	Sàng tuyển thủ công, khai thác than thủ công ở mỏ lộ thiên	Công việc nặng nhọc, làm ngoài trời, chịu khai thác than thủ tác động của ồn, bụi
12	Vận hành băng tải, máy nghiền, sàng than, đá; chọc máng than, chọc máng quang lật điện, tời găm sàng	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
13	Bảo vệ, giao nhận, thủ kho, phụ kho xí nghiệp sản xuất vật liệu nổ	Nơi làm việc nguy hiểm, kém thông thoáng, chịu tác động của khí, bụi độc
14	Thí nghiệm vật liệu nổ	Thường xuyên tiếp xúc với hóa chất và bụi độc.
15	Lái máy trực bốc dỡ vật liệu nổ	Chịu tác động của hóa chất và bụi độc
16	Sửa chữa cơ điện các thiết bị sản xuất vật liệu nổ	Tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của xăng, dầu, hóa chất và bụi độc
17	Vệ sinh công nghiệp xí nghiệp vật liệu nổ	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động sản xuất của hóa chất và bụi độc
18	Trực tiếp chỉ đạo sản xuất và kiểm tra chất lượng vật liệu nổ	Thường xuyên tiếp xúc với hóa chất và bụi độc
19	Lái máy gạt, ủi công suất dưới 180 CV	Chịu tác động của nóng, bụi, ồn và rung
20	Lái máy xúc dung tích gầu dưới 4 m ³	Chịu tác động của nóng, bụi, ồn và rung
21	Vận hành máy nghiền sàng đá	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của ồn, rung và bụi nồng độ rất cao
22	Lái xe vận tải chở than, đá trong khu khai thác mỏ	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của rung, ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép
23	Quản ống giấy bao gói vật liệu nổ	Chịu tác động của nóng, hóa chất độc trong suốt ca làm việc
24	Khai thác cao lanh thủ công tại mỏ lộ thiên	Làm việc ngoài trời thủ công, nặng nhọc; chịu tác động của nhiệt độ nóng, lạnh, gió chênh cao ở mong sâu và bụi đá có hàm lượng SiO ₂ cao

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
25	Chế biến cao lanh thủ công	Công việc ngoài trời nặng nhọc, thủ công, đơn điệu; chịu tác động của bụi đất đá có hàm lượng SiO ₂ cao
26	Vận hành cầu póc-tích, máy bóc rớt than nhà máy sàng tuyển than	Làm việc trên cao, chịu tác động của nắng, nóng và bụi; căng thẳng thần kinh tâm lý
27	Vận hành toa xe tự lật nhà máy sàng tuyển than	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của nắng, nóng, bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép
28	Sửa chữa cơ điện trong nhà máy sàng tuyển than	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó; tiếp xúc thường xuyên với dầu mỡ, bụi than, nhiệt độ cao, rung và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép
29	Thay mỡ, bơm dầu ổ trục các thiết bị nhà máy sàng tuyển than	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với dầu, mỡ; ảnh hưởng của môi trường nóng, ồn, rung và bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép
30	Bẫy xe, chèn xe trong găm nhà sàng tuyển than	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm; chịu tác động của môi trường nóng, ồn, rung và bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép
31	Xúc dọn thủ công than và tạp chất trên tàu, xà lan, băng truyền tải và trong nhà máy sàng tuyển than	Công việc nặng nhọc; chịu tác động của môi trường nóng, ồn, rung và bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép
32	Nhặt than, nhặt tạp chất trên băng chuyền nhà máy sàng tuyển than	Công việc đơn điệu; chịu tác động của môi trường nóng, ồn, rung và bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép
33	Dỡ tải than (chọc than, đổ than, mỡ máng than...) trong nhà máy sàng tuyển than	Chịu tác động của môi trường nóng, ồn, rung và bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép; công việc có yếu tố nguy hiểm
34	Móc ngáo (móc cáp, móc xích) trong nhà máy sàng tuyển	Công việc nặng nhọc, đơn điệu; làm việc ngoài trời, chịu tác động của môi trường (nóng, lạnh, gió...) và bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép
35	Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị khai thác than (khoan, xúc, gạt, ủi...)	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó; tiếp xúc với bụi bản và dầu mỡ

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
36	Chỉ đạo sản xuất trực tiếp khai thác than lộ thiên và trong nhà máy sàng tuyển (quản đốc, phó quản đốc, đội trưởng)	Chịu tác động của môi trường nóng, ồn, rung và bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép
37	Vận hành các thiết bị tuyển than bằng phương pháp tuyển nổi, tuyển từ trong nhà máy sàng tuyển than	Thường xuyên chịu tác động ồn cao, bụi, độc hóa chất
38	Vệ sinh công nghiệp trong các phân xưởng sửa chữa ô tô, thiết bị khai thác mỏ	Công việc thủ công, chịu tác động của ồn, tiếp xúc dầu mỡ và chất thải công nghiệp
39	Bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ than	Làm việc ngoài trời, đi lại nhiều, công việc nguy hiểm
40	Công nhân nạp ác quy, sửa chữa đèn lò; sửa chữa, cấp phát ác quy, đèn lò	Công việc thủ công, thường xuyên tiếp xúc với chì và axit
41	Công nhân sửa chữa máy bóc rớt than nhà máy sàng tuyển than	Làm việc trên cao, công việc nguy hiểm, tư thế lao động gò bó
42	Thủ kho vật liệu nổ công nghiệp	Làm việc ngoài lò, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với hóa chất độc hại
43	Chỉ đạo sản xuất trực tiếp khai thác bauxit lộ thiên và tuyển quặng bau xít (quản đốc, phó quản đốc, trưởng ca)	Chịu tác động của môi trường nóng ồn, rung và bụi vượt chỉ tiêu cho phép
44	Vận hành băng tải vận chuyển quặng bauxit trong sản xuất Alumin	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần; vị trí làm việc chật hẹp.
45	Vận hành hệ thống bơm bùn tuyển quặng bauxit	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc lầy lội, ẩm ướt, chịu tác động của ồn, rung. Thường xuyên tiếp xúc với các loại axit, kiềm, xút....
46	Chỉ đạo sản xuất trực tiếp trong nhà máy Khí hóa than và sản xuất Alumin (quản đốc, phó quản đốc, trưởng ca)	Chịu tác động hơi kiềm, ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép
47	Vận hành hệ thống điều khiển trung tâm toàn nhà máy sản xuất alumin và tại các phân xưởng	Căng thẳng thần kinh, chịu tác động của tiếng ồn, rung

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
48	Vận hành máy dỡ liệu; rải liệu quặng bauxít	Công việc đi lại thường xuyên, nơi làm việc chật hẹp, chịu tác động của tiếng ồn, bụi, rung vượt tiêu chuẩn cho phép
49	Vận hành các thiết bị khu vực lắng rửa bùn đỏ	Chịu tác động hơi nóng, độ cao và nhiệt độ cao, tiếp xúc hơi kiềm và nguồn phóng xạ; tiếng ồn vượt chỉ tiêu cho phép
50	Vận hành các thiết bị khu vực kết tinh hydrat	Chịu tác động nhiệt độ cao, tiếp xúc hơi kiềm và nguồn phóng xạ; tiếng ồn vượt chỉ tiêu cho phép
51	Vận hành máy nghiền quặng bauxít	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc lầy lội, ẩm ướt, chịu tác động của ồn, rung
52	Vận hành hệ thống dỡ vôi, sữa vôi và tôi vôi, nhà máy Alumin	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chịu tác động của ồn, rung và bụi vượt chỉ tiêu cho phép; thường xuyên tiếp xúc với sữa vôi
53	Vận hành thiết bị nâng, hạ sản phẩm trong nhà máy Alumin	Công việc nặng nhọc độc hại chịu tác động tiếng ồn, bụi vượt chỉ tiêu cho phép
54	Sửa chữa các thiết bị điện, C&I trong dây chuyền tuyển quặng và sản xuất Alumin	Tư thế lao động gò bó, ảnh hưởng của tiếng ồn, rung và bụi, leo trèo làm việc nơi cao
55	Sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị cơ điện, cơ khí, cơ giới trong khai thác, tuyển quặng bauxít và sản xuất Alumin	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, tiếp xúc với nóng, bụi, tiếng ồn vượt chỉ tiêu cho phép, tiếp xúc với dầu, mỡ
56	Vận hành hệ thống băng tải cấp than nhà máy khí hóa than	Làm việc dưới hầm, chịu tác động của môi trường nóng, ồn, rung và bụi than vượt chỉ tiêu cho phép; công việc có yếu tố nguy hiểm
57	Vận hành các thiết bị hòa loãng xút, a xít và cô đặc hiệu chỉnh dung dịch.	Chịu tác động nhiệt độ cao, tiếp xúc hơi kiềm và nguồn phóng xạ; tiếng ồn vượt chỉ tiêu cho phép
58	Vận hành, tháo lắp đường ống hồ bùn đỏ	Công việc nặng nhọc, làm việc ngoài trời chịu tác động của hơi kiềm, bùn đỏ
59	Vận hành đóng bao sản phẩm Hydrat và Alumin.	Công việc nặng nhọc độc hại chịu tác động tiếng ồn, bụi vượt chỉ tiêu cho phép

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
60	Vận hành quạt khí, quạt gió trong sản xuất khí hóa than	Chịu tác động nhiệt độ, nóng, ồn, rung, bụi, khí H ₂ ; CO; CO ₂ cao
61	Giám sát môi trường nhà máy Alumin	Công việc nặng nhọc, độc hại, tiếp xúc trực tiếp với hóa chất tiếng ồn, bụi vượt chỉ tiêu cho phép; lấy mẫu tại các vị trí chật hẹp, hầm, cống nước thải
62	Vệ sinh công nghiệp nhà máy Alumin	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc lầy lội, ẩm ướt, chịu tác động của ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép
63	Trực y tế trong hầm lò	Nơi làm việc chật hẹp, nguy hiểm, thiếu dưỡng khí, chịu tác động của ồn, bụi và nóng
64	Vận hành thiết bị sàng tuyển - Vận hành hệ thống sấy than bùn kiểu thùng quay	Thường xuyên tiếp xúc với nóng, bụi, CO và các hóa chất độc khác

II. CƠ KHÍ, LUYỆN KIM

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
Điều kiện lao động loại VI		
1	Làm việc trên đỉnh lò cốc	Làm việc trên đỉnh lò rất nóng, công việc nặng nhọc, nguy hiểm
Điều kiện lao động loại V		
1	Lái xe chặn than cốc nóng	Làm việc trên cao rất nóng, nguy hiểm và ảnh hưởng của CO ₂ , CO và bụi
2	Sửa chữa nóng lò cốc	Công việc thủ công nặng nhọc, rất nóng, nguy hiểm tiếp xúc với khí CO, bụi
3	Điều nhiệt độ lò cốc	Làm việc gần lò luyện rất nóng, nguy hiểm, ảnh hưởng CO và bụi
4	Lái xe tống cốc, đập cốc	Tiếp xúc thường xuyên với nhiệt độ cao, ảnh hưởng khí CO, CO ₂

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
5	Lái xe rớt than trên đỉnh lò cốc	Làm việc trên đỉnh lò rất nóng, nguy hiểm chịu tác động của CO ₂ và CO và bụi nồng độ rất cao.
6	Luyện Fero	Công việc nặng nhọc, rất nóng, ảnh hưởng ồn, CO, CO ₂ và bụi nồng độ cao
7	Đúc thời thép	Công việc nguy hiểm rất dễ bị cháy, bỏng, ảnh hưởng của nóng, ồn, CO, CO ₂
8	Phá, đảm tường, xây lò luyện thép	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ảnh hưởng của bụi, ồn cao và rung lớn
9	Sản xuất hồ cực điện	Tiếp xúc thường xuyên với nóng, ồn, bụi nồng độ cao và các hóa chất độc CO, CO ₂ , Brai vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
10	Cán thép nóng	Công việc nặng nhọc, chịu tác của rất nóng, bụi và ồn cao, rất cao
11	Luyện thép lò điện, lò bằng (trên 1 tấn)	Công việc nặng nhọc, rất nóng, bụi, ồn cao, ảnh hưởng của CO và CO ₂
12	Đúc nhôm, cán nhôm nóng	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc rất nóng và ồn vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
13	Hàn điện trong hầm tàu, hầm xà lan	Nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, bẩn và thiếu dưỡng khí, tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của CO, CO ₂ . MnO ₂ và ồn
14	Hàn trong nồi hơi xitéc	Nơi làm việc chật chội, thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí, tư thế làm việc gò bó, ảnh hưởng của khí hàn, tia hồ quang, CO, CO ₂
15	Gỗ rỉ trong hầm tàu, hầm xà lan	Nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, bẩn, tư thế gò bó, thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí, chịu tác động của bụi nồng độ cao và rất ồn
16	Phun cát tẩy rỉ vỏ tàu	Làm ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, rung lớn và bụi nồng độ rất cao.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
17	Tẩy bavaria bằng hơi ép	Công việc nặng nhọc, chịu tác động liên tục của bụi, ồn rất cao và rung vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.
18	Nấu hợp kim chì, thiếc đúc cut-xi-nê và các chi tiết đầu máy xe lửa	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của bức xạ nhiệt và hơi chì vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
19	Sơn chống gỉ trong hầm tàu, hầm xà lan	Nơi làm việc chật hẹp, thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí, tư thế gò bó, chịu tác động của CO ₂ , tồluen và các hóa chất khác trong sơn
20	Nung đá mài	Công việc nặng nhọc, thủ công, rất nóng, chịu tác động của CO, CO ₂
21	Luyện Corindon sản xuất đá mài	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nhiệt độ cao, bụi, ồn và khí CO
22	Nấu hợp kim chì, thiếc đúc các chi tiết toa xe lửa	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của bức xạ nhiệt và hơi chì vượt tiêu chuẩn cho phép.
23	Nấu đúc phôi nhôm, đồng để cán dây điện	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng, hơi khí độc
24	Nấu luyện ăngtimon bằng lò phản xạ	Làm việc trong điều kiện nhiệt độ cao, tiếp xúc với As, CO, SiO ₂ , Sb
25	Nấu, luyện thiếc có Asen bằng lò phản xạ	Thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, As, CO, SiO ₂ , Sb
26	Thiêu khử khí asen, lưu huỳnh trong quặng thiếc, quặng ăngtimon	Thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, As, CO, SiO ₂ , chì và Sb
27	Luyện quặng chì	Làm việc trong điều kiện nhiệt độ cao, tiếp xúc với As, CO, SiO ₂ , chì và Sb
28	Tuyển nổi quặng kim loại màu, thủy luyện kim loại (hòa, tách, ngâm, chiết)	Thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc H ₂ SO ₄ , CuSO ₄ , ZnSO ₄ , Clo và Sb
29	Nấu luyện ZnO thành bột bằng lò phản xạ, lò quay	Thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, Pb, CO, ZnO.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
30	Vận hành, sửa chữa thiết bị thu bụi kim loại màu trong buồng bụi tĩnh điện ZnO	Thường xuyên làm việc trong điều kiện nhiệt độ vào, tiếp xúc với hơi chì
31	Nấu rót kim loại	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của nóng và hơi khí độc
32	Nung, đúc liên tục phôi cán thép.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng, ồn, bụi
33	Khai thác lộ thiên quặng kim loại màu, Crôm	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thiếu đường khí, thường xuyên tiếp xúc với bụi độc
34	Vận hành máy nghiền, trộn quặng kim loại màu	Chịu tác động của tiếng ồn cao, bụi độc vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép nhiều lần
35	Tuyển trọng lực quặng kim loại màu, Crôm	Công việc thủ công, chịu tác động của Asen và các oxit kim loại
36	Vận hành cầu trục trong phân xưởng tuyển, luyện quặng và sản phẩm kim loại màu	Thường xuyên chịu tác động của nhiệt độ cao, bụi, hơi và khí độc
37	Đóng bao, bóc xếp quặng và sản phẩm kim loại màu	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, nơi làm việc lầy lội, chịu tác động của hóa chất độc trong quặng
38	Chế biến thủ công quặng kim loại màu	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với các chất độc như: asen, chì...
39	Làm việc trên sản đúc luyện gang, thép	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của nhiệt độ cao và bụi
40	Làm việc trước lò luyện gang, thép, cốc	Công việc nặng nhọc, rất nguy hiểm, chịu tác động của nóng, bụi, hơi và khí độc
41	Vận hành máy hút khí (thượng tầng) nhà máy luyện cốc	Thường xuyên chịu tác động của nhiệt độ cao, hơi khí độc và bụi vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép nhiều lần
42	Chung cát dầu cốc và các sản phẩm sau cốc	Thường xuyên tiếp xúc với nóng và hóa chất dễ gây bệnh da nghề nghiệp

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
43	Xử lý thái xỉ lò cao	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, rất nóng, bụi nung, bụi vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép rất nhiều lần
44	Nấu, sửa chữa lò nấu gang Quy bi lô	Công việc rất nặng nhọc, chịu tác động của nhiệt độ cao, bụi, CO và CO ₂
45	Sấy bàn khuôn, cần nút	Công việc rất nặng nhọc, chịu tác động của nhiệt độ cao, hơi và khí độc
Điều kiện lao động loại IV		
1	Lái cầu trục nạp luyện thép Fero	Làm việc trên cao, nóng, ồn, bụi hỗn hợp, bụi Mn và CO
2	Nghiền, sàng, trộn vật liệu trong lò luyện thép	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với ồn và bụi nồng độ cao
3	Xây bàn khuôn đúc thép	Nơi làm việc nóng, ồn, bụi nồng độ rất cao, công việc thủ công nặng nhọc
4	Lái máy cán thép	Thường xuyên tiếp xúc với nóng, ồn, CO và CO ₂
5	Vận hành máy nghiền sàng quặng	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của tiếng ồn cao và MnO ₂
6	Lái cầu trục gian buồng cán thép	Ảnh hưởng của nóng, ồn và rung lớn
7	Lái cầu trục gia công nguyên liệu luyện Fero	Thường xuyên tiếp xúc với bụi, rung và ồn cao
8	Cắt đầu rót thép nóng	Nơi làm việc chật chội, nóng, bụi và ồn cao
9	Thái xỉ nóng lò luyện thép	Nơi làm việc rất bụi và nóng, ảnh hưởng của ồn, CO và CO ₂
10	Kiểm tra kỹ thuật thép cán	Tiếp xúc thường xuyên với ồn, nóng, CO và CO ₂
11	Phân loại thép phé để luyện thép	Nơi làm việc chật hẹp, bẩn, ảnh hưởng của ồn và bụi nồng độ rất cao
12	Vận hành điện lò luyện thép, Fero	Ảnh hưởng của nóng, bụi, ồn, CO, và CO ₂
13	Sấy thùng rót thép	Công việc thủ công nặng nhọc, nóng, ảnh hưởng của ồn, CO và CO ₂

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
14	Vận hành quạt khí than lò luyện cốc	Tiếp xúc thường xuyên với nóng, bụi, CO và ồn cao
15	Cấp than mỡ vào băng tải ngâm luyện cốc	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của ồn và bụi nồng độ cao
16	Vận hành băng tải than mỡ lò luyện cốc	Đi lại nhiều, tiếp xúc thường xuyên với ồn, bụi nồng độ cao
17	Vận hành máy nghiền, trộn than mỡ luyện cốc	Công việc thủ công, nặng nhọc, ảnh hưởng của ồn, bụi nồng độ cao
18	Vận hành băng tải than cốc	Tiếp xúc thường xuyên với nhiệt độ cao, ồn, CO và CO ₂
19	Nhiệt luyện kim loại có dùng hóa chất	Công việc nặng nhọc, rất nóng, ảnh hưởng của bức xạ nhiệt CO, CO ₂ , SO ₂ và ồn rất cao
20	Hàn điện trong thùng dài	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng khí CO ₂ , Mn, hơi khí hàn và tia hồ quang
21	Hàn vỏ phương tiện thủy	Hàn ngoài trời, tư thế lao động gò bó, ảnh hưởng của CO ₂ , khí hàn, tia hồ quang
22	Hàn thủ công vành bánh xe lửa	Chịu tác động của khí hàn, tia hồ quang và hơi chì
23	Gỡ rỉ nôi hơi, đầu máy, toa xe bằng thủ công	Tư thế gò bó, chịu tác động của bụi nồng độ cao và ồn vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
24	Gỡ rỉ các phương tiện vận tải thủy	Làm ngoài trời, tư thế gò bó, chịu tác động của ồn cao và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
25	Đánh rỉ sắt bằng máy cầm tay	Chịu tác động của ồn cao, rung lớn và bụi nồng độ cao
26	Lông băng đa bánh xe lửa	Làm việc trong môi trường từ tính, nặng nhọc, độc hại, ồn
27	Sơn vỏ phương tiện thủy	Làm ngoài trời, tư thế làm việc gò bó, ảnh hưởng của hóa chất độc trong sơn và Tôluen
28	Sơn toa xe	Tiếp xúc thường xuyên với hóa chất độc
29	Gò nóng tôn dày từ 4mm trở lên	Công việc nặng nhọc, nóng, ảnh hưởng của bức xạ nhiệt, CO ₂ và ồn rất cao

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
30	Nguội sửa chữa đầu máy, toa xe lửa	Công việc nặng nhọc, tư thế gò bó, tiếp xúc với dầu mỡ, bụi và ồn rất cao
31	Mạ kẽm	Chịu tác động của nhiều loại khí độc như HCl, NH ₃ , NH ₄ OH, NH ₄ Cl, ZnO và chì
32	Khám, chữa toa xe lửa	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, tư thế gò bó, nơi làm việc bẩn, bụi và ồn
33	Tiện vành bánh xe lửa	Công việc nặng nhọc, tư thế gò bó, ảnh hưởng của tiếng ồn cao
34	Sản xuất và lắp ráp ghi	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của bức xạ nhiệt và ồn rất cao
35	Đốt, dập nóng	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bức xạ nhiệt và ồn rất cao
36	Rèn búa máy từ 350 kg trở lên	Công việc nặng nhọc, nóng và ồn rất cao
37	Sửa chữa máy tàu sông (ở âu, đò)	Công việc nặng nhọc, nóng, ẩm ướt, thường xuyên tiếp xúc với dầu mỡ
38	Vận hành điện lò luyện Corindon sản xuất đá mài	Nơi làm việc rất nóng, bụi và ồn
39	Đập, nghiền, sàng Corindon sản xuất đá mài	Công việc nặng nhọc, độc hại, chịu tác động của ồn cao và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
40	Trộn liệu ép đá mài, ép tấm kê bao nung đá mài	Công việc nặng nhọc, ồn cao và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép rất nhiều lần
41	Tiện đá mài	Công việc nặng nhọc, tư thế gò bó, chịu tác động của ồn và bụi nồng độ rất cao
42	Ngâm rửa, sấy hạt mài	Công việc thủ công, nặng nhọc, nơi làm việc ẩm ướt, chịu tác động ồn, bụi và SO ₃
43	Hút sắt, sàng, phân loại hạt mài	Thường tiếp xúc với ồn cao và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
44	Phá tảng Corindon, chuẩn bị lò luyện Corindon	Công việc thủ công, nặng nhọc, ảnh hưởng của ồn và bụi nồng độ rất cao
45	Sản xuất chất kết dính đá mài	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của ồn và bụi nồng độ rất cao
46	Mài đá mài bằng máy, bằng tay	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của bụi, ồn và rung vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
47	Thủ tốc độ đá mài	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của ồn và bụi
48	Rèn thủ công	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của nóng, bụi và khí CO
49	Sơn bằng phương pháp thủ công	Tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc trong sơn
50	Mạ kim loại và xyanua	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với hơi chì
51	Sơn, sấy lõi tôn silíc	Tiếp xúc với nóng và dung môi pha sơn
52	Hàn điện, hàn hơi	Tiếp xúc với nóng và hơi khí độc
53	Mài khô kim loại	Tiếp xúc với bụi đá, bụi kim loại, rung và ồn
54	Bả ma tít và sơn xi thân máy	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi, dung môi pha sơn và hơi xăng
55	Đập gang bằng tay	Nặng nhọc, tiếp xúc với bụi gang
56	Pha trộn cát, đất sét để làm khuôn đúc	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với nóng và bụi
57	Phá khuôn đúc bằng chày hơi	Nặng nhọc, nóng, bụi, rung
58	Sàng cát bằng máy để làm khuôn đúc	Nặng nhọc, bụi, ồn, tư thế làm việc gò bó
59	Ép nhựa bakêlít	Tiếp xúc với nóng, bụi và hơi khí độc
60	Sấy khuôn, ruột khuôn đúc bằng lò than	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với nóng, bụi, hơi khí độc

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
61	Vận hành máy đột dập kim loại	Nóng, ồn, rung, căng thẳng thị giác
62	Lái cầu trục trong phân xưởng đúc cơ khí	Nóng, bụi, căng thẳng thần kinh tâm lý
63	Tiền gang và cao su rulô xát gạo	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với bụi gang, bụi cao su
64	Kéo dây đồng và nhôm	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với tiếng ồn lớn
65	Nung, ép định hình đồng, nhôm	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của tiếng ồn và hơi khí độc
66	Tráng, sơn cách điện dây điện	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của tiếng ồn và hơi khí độc
67	Tạo hạt nhựa PVC, PP, PE	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với tiếng ồn, bụi và hơi khí độc
68	Bọc dây điện bằng nhựa PVC, PP, PE	Chịu tác động thường xuyên của nóng và hơi khí độc.
69	Nấu, đúc gang trong phân xưởng cơ khí	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của nóng, bụi
70	Làm sạch vật đúc	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng, ồn, bụi
71	Đúc áp lực kim loại (nhôm, đồng)	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng, bụi
72	Hàn thiếc thùng thuốc trừ sâu	Tiếp xúc với nóng và hóa chất trừ sâu, tư thế lao động gò bó
73	Kéo, cuộn dây thép	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng, ồn, bụi
74	Láy mẫu, phân tích quặng và sản phẩm kim loại.	Thường xuyên tiếp xúc nóng, bụi, As, CO, Mg
75	Bảo quản, xếp dỡ, đóng gói quặng và sản phẩm kim loại màu	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với As, Pb, SiO ₂ , ZnO, Mg và Sb
76	Sửa chữa cơ, điện trong dây chuyền chế biến thiếc, ZnO, Sb, tuyển từ, tuyển nổi	Thường xuyên tiếp xúc với nóng, bụi và các loại hóa chất độc, tư thế lao động gò bó
77	Sấy, đóng bao quặng crôm	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với nóng, crôm, SiO ₂ .
78	Khai thác thủ công quặng kim loại màu	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, tiếp xúc với nóng, bụi
79	Nhúng dung dịch xilen kim điện	Tiếp xúc với nóng, xilen, dầu thông và xăng
80	Ép gen kim điện	Tiếp xúc với nóng, hơi, khí độc

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
81	Thủ kho, giao nhận quặng và các sản phẩm kim loại màu	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi độc
82	Bảo vệ bãi khai thác quặng, Crôm	Thường xuyên phải đi lại, chịu tác động của ồn và bụi
83	Trực tiếp chỉ đạo sản xuất trong khai thác, tuyển, luyện quặng kim loại màu và Crôm	Thường xuyên chịu tác động của ồn, bụi và hơi, khí độc
84	Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị khai thác, tuyển, luyện quặng kim loại màu	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của các yếu tố ồn, bụi
85	Vệ sinh công nghiệp phân xưởng, nhà máy tuyển, luyện quặng kim loại màu	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của ồn, bụi và hơi khí độc
86	Vận hành quạt gió lò cao, lò cốc	Chịu tác động của nhiệt độ cao, bụi và khí độc
87	Vận hành xe hứng liệu luyện gang	Thường xuyên chịu tác động của bụi và khí độc
88	Đốt lò gió nóng	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nhiệt độ cao và bụi
89	Sản xuất xỉ bông, xỉ hạt	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng và bụi nồng độ rất cao
90	Thủ kho đầu cốc	Chịu tác động của nóng, hơi và khí độc
91	Nạp liệu lò cao	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi CO và CO ₂
92	Coi nước lò cao	Phải đi lại nhiều, chịu tác động của nhiệt độ cao, CO và CO ₂
93	Vận hành băng truyền cấp liệu cốc và thiêu kết	Phải đi lại thường xuyên, nơi làm việc chật hẹp, chịu tác động của bụi nồng độ cao
94	Điều chỉnh hệ thống nhiệt luyện cốc (Giao hoán)	Chịu tác động của nhiệt độ cao, bụi
95	Vận hành, sửa chữa đồng hồ lưu lượng	Tiếp xúc với nhiệt độ cao, bụi và thủy ngân
96	Phối liệu thiêu kết	Chịu tác động của nóng và bụi nồng độ cao
97	Sửa chữa, bơm mỡ bảo dưỡng thiết bị luyện kim	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, tiếp xúc với nóng, bụi

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
98	Vận hành máy, van hơi thiêu kết	Công việc rất nặng nhọc, tiếp xúc với nhiệt độ cao, CO, CO ₂
99	Bơm nước đập lửa than cốc	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với nóng và bụi nồng độ rất cao
100	Sấy, phân loại quặng	Công việc nặng nhọc, nóng, bụi
101	Vận hành máy nghiền bùn để luyện, đúc gang thép	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc lầy lội, ẩm ướt, chịu tác động của ồn, rung
102	Thao tác phễu thành phẩm thiêu kết	Chịu tác động của nóng, bụi nồng độ cao
103	Vận hành máy lọc bụi quặng thiêu kết	Chịu tác động của nóng và bụi nồng độ rất cao
104	Thực tiếp chỉ đạo kỹ thuật luyện gang, thép, cán thép	Thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, bụi, CO và CO ₂
105	Làm việc trên sàn nguội, cắt, bó sản phẩm thép cán	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng, bụi
106	Sản xuất, sửa chữa khuôn kéo dây thép	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với bụi, nóng
107	Tu sửa đường ống khí than, khí nén, nước nhà máy luyện kim	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, thường xuyên chịu tác động của bụi, nóng
108	Vệ sinh công nghiệp nhà máy luyện kim	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của nóng, bụi.
109	Nghiền sàng Đolômít và vôi	Chịu tác động của rung, ồn và bụi
110	Xưởng than và gom than	Công việc thủ công nặng nhọc, chịu tác động của bụi nồng độ rất cao
111	Thủ kho dầu cốc	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với hơi dầu cốc nóng và độc
112	Bảo quản kim khí	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với dầu, mỡ
113	Vận hành máy nghiền, sàng bột xây dựng	Chịu tác động của ồn, rung và bụi có nồng độ rất cao
114	Vận hành máy mài, băng dũa	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, bụi
115	Nhiệt luyện kim loại bằng lò tôi cao tần	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng và bụi

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
116	Vận hành máy cắt phôi dũa, máy cán mũi và chuôi dũa	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, rung
117	Nung kim loại bằng lò trung tần	Công việc nặng nhọc, thường xuyên chịu tác động của nhiệt độ cao
118	Đốt, vận hành lò ủ kim loại	Công việc nặng nhọc, thường xuyên chịu tác động của nhiệt độ cao, CO và CO ₂
119	Tẩy rửa, nhuộm đen kim loại và các sản phẩm kim loại bằng hóa chất	Thường xuyên tiếp xúc với các loại axit, xút....
120	Mạ Niken, Crom	Thường xuyên tiếp xúc với các hóa chất độc hại
121	Chà sàng, cạo ri, đánh bóng kim loại	Tư thế lao động gò bó, thường xuyên chịu tác động của ồn, bụi nồng độ cao
122	Vận hành máy dập, dũa, mài bi kim loại	Thường xuyên tiếp xúc với rung, ồn và hóa chất độc
123	Vận hành máy quay, đánh bóng bi kim loại	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với bụi, ồn
124	Cà đá mài bi	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi, ồn
125	Đúc chi để gắn đá mài bi	Thường xuyên tiếp xúc với nóng và hơi chi
126	Chọn bi kim loại (đường kính dưới 1cm) bằng mắt	Công việc nặng nhọc, đơn điệu, rất căng thẳng thị giác, tư thế lao động gò bó
127	Hàn bằng phương pháp nung chảy	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng, bụi
128	Hàn cao áp	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng và khí độc
129	Người sửa chữa xe cơ giới loại từ 10 tấn trở lên và các loại xe chạy bằng bánh xích	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với dầu mỡ
130	Vệ sinh công nghiệp nhà máy cơ khí	Công việc thủ công nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với bụi, hóa chất
131	Khoan, bảo, tiện gang	Bụi, căng thẳng thị giác, tập trung chú ý cao

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
132	Tiện, phay, bảo, cưa phíp, bakelit	Chịu tác động của bụi gỗ phíp, bụi bakelit, hơi Phenol nồng độ cao
133	Sơn tĩnh điện	Thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc, nơi làm việc nóng, thiếu không khí
134	Vận hành búa máy	Chịu tác động của nhiệt độ cao, rung động lớn, và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép

III. HÓA CHẤT

TT	Tên nghề hoặc công việc	Điều kiện lao động loại VI	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
1	Điều chế Supe lân		Làm việc trên sàn cao, tiếp xúc với hóa chất độc (HF, SO ₃) nồng độ cao dễ bị nhiễm độc, nguy hiểm
2	Hàn chì trong thùng thép kín		Nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng và hơi chì nồng độ rất cao
3	Sản xuất hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản xuất thuốc bảo vệ thực vật các loại		Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với các loại hóa chất độc mạnh
4	Sản xuất và đóng thùng Phốt pho vàng (P ₄)		Làm việc trên cao, cạnh lò nóng, tiếp xúc trực tiếp với bụi (đá Quác zit, Apatit, than cốc) và khí độc (CO, P ₂ O ₅ , PH ₃ , HF, P ₄ ...) ôn và dễ bị nhiễm độc, dễ cháy nổ
			Điều kiện lao động loại V
1	Sản xuất, đóng bao Na ₂ SiFe		Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với khí độc (HF), ôn và nồng độ bụi rất cao
2	Nghiền quặng Apatit, pyrit; đóng bao bột Apatit		Thường xuyên tiếp xúc với bụi, ồn vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
3	Vận hành lò, cấp quặng pyrit vào lò tầng sôi sản xuất axit H ₂ SO ₄ .	Làm việc trên sàn cao cạnh lò, tiếp xúc trực tiếp với bụi, ồn và khí SO ₂ nồng độ cao
4	Vận hành bơm và đóng bình axit H ₂ SO ₄	Thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc và ồn
5	Lọc bụi điện sản xuất axit H ₂ SO ₄	Thường xuyên tiếp xúc với bụi, hóa chất độc và ồn cao
6	Sản xuất ác quy: luyện chì tái sinh; nghiền bột chì, đúc chì; trộn trát cao chì; cắt mài, sấy tám cực chì; hàn chùm cực, cầu tiếp; hóa thành tám cực chì; lắp ráp ác quy	Thường xuyên tiếp xúc với ồn, nóng và bụi chì nồng độ rất cao
7	Nghiền bột Puzôlan	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của ồn cao và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
8	Luyện đất đèn	Công việc thủ công, nặng nhọc, ảnh hưởng của nóng, ồn, CO ₂ , CO và bụi có nồng độ rất cao
9	Luyện cao su	Công việc nặng nhọc, độc hại, tiếp xúc nhiệt độ cao, bụi, SO ₂ , H ₂ S
10	Vận hành lò khí hóa than trong công nghệ sản xuất phân đạm	Làm việc trên sàn cao, công việc nặng nhọc, độc hại, tiếp xúc CO vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.
11	Sửa chữa hệ thống lò khí hóa than trong công nghệ sản xuất phân đạm.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, tiếp xúc CO
12	Tổng hợp amôniac (NH ₃) trong công nghệ sản xuất phân đạm	Độc hại, nguy hiểm, thường xuyên tiếp xúc NH ₃ nồng độ cao
13	Vận hành máy nén cao áp trong công nghệ sản xuất phân đạm	Công việc nguy hiểm, tiếp xúc ồn, NH ₃ nồng độ cao
14	Vận hành bơm trung cao áp amôniac và phân giải urê	Công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý, tiếp xúc với NH ₃
15	Cô đặc, tạo hạt và không chế tập trung urê	Tiếp xúc với các loại hóa chất độc
16	Sản xuất axit salixilic, HNO ₃ , H ₃ PO ₄ .	Thường xuyên tiếp xúc với các loại hóa chất độc mạnh
17	Trung hòa supe lân.	Thường xuyên tiếp xúc với bụi và hóa chất độc mạnh

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
18	Vận hành hệ thống tháp rửa khí nguyên liệu	Công việc độc hại, thường xuyên tiếp xúc với SO ₂ , SO ₃ và H ₂ SO ₄
19	Sấy hấp thụ khí SO ₂ và SO ₃ trong sản xuất axit SO ₂	Thường xuyên tiếp xúc với H ₂ SO ₄ , SO ₃
20	Vận hành thiết bị tiếp xúc trong công nghệ sản xuất axit H ₂ SO ₄	Tiếp xúc với SO ₂ , SO ₃
21	Sản xuất ôxít sắt trong khu vực sản xuất supe phốt phát	Tiếp xúc nóng, bụi Fe ₂ SO ₃ và hóa chất độc
22	Trích ly axit H ₃ PO ₄ từ supe lân	Tiếp xúc với bụi và các hợp chất chứa Flo
23	Vận hành tời nạp liệu lò cao sản xuất phân lân nung chảy	Độc hại, tiếp xúc CO, CO ₂ , H ₂ S
24	Ra liệu lò cao sản xuất phân lân nung chảy	Tiếp xúc với CO, Fluor và nhiệt độ cao
25	Vận hành hệ thống tháp hấp thụ khí thải lò cao sản xuất phân lân nung chảy	Tiếp xúc khí độc HF, SiF ₄ , sữa vôi, xỉ lò
26	Vận hành lò đốt gió nóng (CO) trong công nghệ sản xuất phân lân nung chảy	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc khí độc, nhiệt độ cao.
27	Sản xuất phụ gia thuốc trừ sâu	Chịu tác động của bụi độc, SiO ₂ và các ôxít kim loại.
28	Hóa lỏng, đóng bình Clo; sản xuất axit HCl tinh khiết	Tiếp xúc với Clo, axit HCl rất độc
29	Xử lý Clo thừa	Độc hại, tiếp xúc với khí Clo rất độc
30	Nghiền sàng, sấy, xử lý nguyên liệu thuốc bọc que hàn	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với nóng, bụi SiO ₂ , Silic và chất độc mạnh Na ₂ SiF ₆ ...
31	Cân phối liệu, trộn khô thuốc bọc que hàn	Tiếp xúc với hóa chất độc
32	Sấy, nghiền, đóng bao quặng mangan	Tiếp xúc với nóng, ồn và bụi mangan nồng độ cao
33	Vận hành băng tải xích và băng tải cao su dưới hầm nhà máy tuyển apatít	Làm việc dưới hầm sâu, ẩm ướt, thiếu ánh sáng, thiếu không khí, chịu tác động của ồn, bụi nồng độ cao
34	Vận hành máy sàng GHIT trong nhà máy tuyển quặng apatít	Làm việc dưới hầm, ẩm ướt, chịu tác động của ồn, bụi

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
35	Vận hành máy đập hàm, đập búa dưới hàm nhà máy tuyển quặng apatít	Làm việc dưới hầm sâu, ẩm ướt, chịu tác động của bụi và ồn cao
36	Vận hành máy bơm bùn dưới hầm sâu	Làm việc dưới hầm sâu, thiếu ánh sáng, lầy lội, ẩm ướt, công việc rất nặng nhọc, tư thế lao động gò bó
37	Hàn chì trong công nghệ sản xuất hóa chất	Tiếp xúc hơi chì nồng độ cao
38	Sửa chữa lò, thùng tháp trong công nghệ sản xuất hóa chất	Nơi làm việc chật hẹp, công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nhiệt độ cao và hóa chất mạnh
39	Bóc xép, vận chuyển than đen thủ công	Công việc thủ công, nặng nhọc, tiếp xúc với bụi than (bụi hô hấp) nồng độ rất cao
40	Sửa chữa, nạo vét công ngầm trong nhà máy hóa chất	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với các chất phế thải và hóa chất độc hại
41	Sản xuất hợp chất crôm.	Thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc mạnh.
42	Vận hành trạm bơm nước thải (thải nhiễm dầu, thải bẩn); trạm bơm nước tuần hoàn và xử lý nước thải	Thường xuyên làm việc ở độ sâu từ - 10m đến - 20m; tiếp xúc với tiếng ồn, chất thải độc hại, vi sinh vật gây bệnh và hóa chất xử lý nước
43	Sửa chữa, vận hành các thiết bị bị hóa (xử lý nước, khử muối, trường kíp vận hành)	Thường xuyên tiếp xúc với các hóa chất độc hại, tiếng ồn và bụi
44	Sản xuất CO ₂ lỏng, rắn	Thường xuyên tiếp xúc với tiếng ồn, hóa chất (CO ₂ lỏng, rắn, nồng độ cao; thuốc tím; khí H ₂ S) và máy nén khí CO ₂ áp suất cao
45	Thu hồi, lọc dầu, tái sinh dầu bôi trơn	Công việc thủ công; làm việc trong môi trường hóa chất độc hại và tiếng ồn cao; chịu tác động trực tiếp của hơi dầu nóng và hơi nước
46	Thải xỉ nóng lò hơi nhiệt	Công việc thủ công, nặng nhọc; thường xuyên tiếp xúc với nguồn nhiệt lớn, bụi xỉ than và hơi khí độc

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
47	Thủ kho bình (chai) chịu áp lực (O ₂ , N ₂ , CO ₂ lỏng, NH ₃ lỏng)	Thường xuyên tiếp xúc với các bình chứa khí có áp suất cao, dễ cháy nổ, nguy hiểm; Chịu ảnh hưởng của hơi hóa chất độc hại
48	Nhặt than thủ công tại bãi xỉ thải của lò khí hóa than	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công nặng nhọc; Chịu tác động của nóng, bụi xỉ than và hỗn hợp hơi nước, khí CO, H ₂ S
49	Khai thác, vận chuyển than bùn	Làm việc ngoài trời trên các hồ lắng than bùn, công việc thủ công nặng nhọc; Chịu tác động trực tiếp của nhiệt độ, hơi ẩm, bụi xỉ than và hỗn hợp hơi nước, khí CO, CO ₂ , NH ₃ , H ₂ S
50	Vận hành hệ thống thu hồi nhiệt từ khí hóa than	Thường xuyên làm việc trong môi trường có nhiệt độ cao, tiếng ồn lớn; tiếp xúc với thiết bị có áp suất cao, phát sinh hơi khí độc CO, CO ₂ , NH ₃ , H ₂ S
51	Sản xuất, đóng bao Al(OH) ₃	Thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc NaOH, hơi ẩm, bụi ở nhiệt độ cao
52	Vận hành băng tải cấp lưu huỳnh, vận hành lò đốt lưu huỳnh để sản xuất axit H ₂ SO ₄	Tiếp xúc thường xuyên nóng, ồn, nồng độ SO ₂ , khí H ₂ S cao
53	Vận hành cầu trục đảo trộn supe lân	Tiếp xúc thường xuyên với bụi, ồn, nồng độ Flo, khí H ₂ S rất cao
54	Công nhân sản xuất muối ZnCl ₂	Thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, khí độc CO, HCl, H ₂ S
55	Sản xuất, đóng bao Na ₂ SiF ₆	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với khí độc (HF), ồn, nồng độ bụi cao
Điều kiện lao động loại IV		
1	Nghiền vôi và than để luyện đất đèn; đóng thùng đất đèn	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với tiếng ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
2	Vận hành lò hơi	Công việc nặng nhọc, bụi, ồn và nóng
3	Vận hành lò sấy quặng apatít, pyrit	Công việc nặng nhọc, bụi, ồn và nóng

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
4	Vận hành băng tải quặng pyrit, apatít, lưu huỳnh, than và các sản phẩm axit	Thường xuyên tiếp xúc với ồn, bụi quặng nồng độ cao
5	Lái cầu trục chuyên quặng pyrit, apatít	Ảnh hưởng của ồn, bụi quặng nồng độ cao
6	Nghiền phụ gia để sản xuất phân NPK	Công việc nặng nhọc, ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
7	Sấy, vê viên, đóng bao phân NPK	Tiếp xúc thường xuyên với nóng, bụi và NH ₃
8	Đóng bao, khâu bao và bóc vắc supe lân	Công việc thủ công, nặng nhọc, ảnh hưởng của bụi, SO ₃ , HF
9	Cán màng mỏng PVC, PP, PE	Tiếp xúc với hơi xăng, nóng và các chất nhựa độc
10	Ép suát, thành hình các sản phẩm cao su	Công việc nặng nhọc, nóng, bụi, ồn và hơi xăng dầu
11	Cán tráng, cán hình vải cao su	Ảnh hưởng của ồn, xăng và SO ₂
12	Xử lý tanh trong sản xuất lốp các loại	Thường xuyên tiếp xúc với bụi, xăng và chất độc mạnh như xylen
13	Vận hành điện lò luyện đất đèn	Thường xuyên tiếp xúc với tiếng ồn, bụi nồng độ cao
14	Phân loại tám cực chì sản xuất ắc quy	Công việc thủ công, ảnh hưởng của ồn và bụi chì
15	Sàng, sấy hóa chất, phối liệu cao su	Tiếp xúc với nhiệt độ cao, bụi, hóa chất độc
16	Chế tạo cao su tái sinh	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với bụi than, và hóa chất độc
17	Lưu hóa các sản phẩm cao su	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với các hóa chất độc
18	Chế tạo băng tải công nghiệp	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với dung môi hữu cơ (benzene) và hóa chất độc
19	Ép suát thành hình săm, lốp ô tô, máy bay, máy kéo	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với nhiệt độ cao, các hóa chất và dung môi hữu cơ
20	Tổng hợp nhựa ankylt sản xuất sơn	Tiếp xúc với phenol, benzen, xylen
21	Nấu cán kẽm trong công nghệ sản xuất pin	Tiếp xúc với nhiệt độ cao, bụi kẽm
22	Vận hành lò nung cốc than trong công nghệ sản xuất pin	Tiếp xúc với nhiệt độ cao, dung môi hữu cơ và bụi
23	Trộn bột cực dương trong công nghệ sản xuất pin	Tiếp xúc với hóa chất điện giải và bụi

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
24	Trộn bột ép cọc than trong công nghệ sản xuất pin	Tiếp xúc với nhiệt độ cao và bụi than
25	Sản xuất khí C ₂ H ₂ và muôi axetylen.	Công việc nguy hiểm, tiếp xúc với khí độc và bụi than.
26	Vận hành bơm cô đặc trong công nghệ tuyển quặng apatít.	Môi trường ẩm ướt, tiếp xúc với axit và muối axit.
27	Vận hành bơm cấp axit và thùng tiếp xúc trong công nghệ tuyển quặng apatít	Tiếp xúc với các axit mạnh nồng độ rất cao.
28	Tái sinh dung dịch đồng	Tiếp xúc với các axit vô cơ mạnh.
29	Sản xuất amôn bicacbonát	Tiếp xúc với axit mạnh (HCl) và Cl ₂ .
30	Vận hành tháp rửa bằng dung dịch đồng, kiểm tra trong công nghệ sản xuất phân đạm	Tiếp xúc với các chất xút và dung dịch các muối hữu cơ ăn mòn
31	Đóng bình nguyên liệu, thành phẩm khí và lỏng trong công nghiệp hóa chất	Làm việc trong môi trường nhiều hóa chất độc: C ₂ H ₂ , NH ₃ , CO ₂
32	Đóng bao, bóc xép urê	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc bụi, NH ₃
33	Sản xuất than hoạt tính	Thường xuyên tiếp xúc với khí NH ₃
34	Sản xuất Bari cacbonát (BaCO ₃)	Nặng nhọc, tiếp xúc với bụi, H ₂ SO ₄
35	Sản xuất các muối sunfit	Tiếp xúc với axit H ₂ SO ₄ đậm đặc
36	Sản xuất tripoly	Tiếp xúc với bụi, axit H ₃ PO ₄
37	Sản xuất nước lọc dùng trong công nghiệp sản xuất hóa chất	Nơi làm việc ẩm ướt, tiếp xúc với Clo và zaven
38	Vận hành cầu trục, máy vớt bán thành phẩm phân lân nung chảy	Nơi làm việc ẩm ướt, tiếp xúc với bụi và hóa chất độc mạnh (HF)
39	Nạp liệu lò cao sản xuất phân lân nung chảy.	Tiếp xúc bụi than đá, khí CO, H ₂ S, CO ₂ ở nhiệt độ cao
40	Vận hành băng tải bán thành phẩm phân lân nung chảy	Phải đi lại nhiều, tiếp xúc với ồn, bụi nồng độ rất cao

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
41	Vận hành quạt gió cao áp, lò cao sản xuất phân lân nung chảy.	Chịu tác động của ồn, rung và bụi
42	Kiểm tra lò cao sản xuất phân lân nung chảy.	Làm việc trong điều kiện nhiệt độ cao, tiếp xúc CO, Fluor, HF
43	Vận hành cầu trục nạp liệu máy sấy.	Tiếp xúc nhiệt độ cao, bụi.
44	Vận hành máy sấy thùng quay sản xuất phân lân.	Làm việc trong điều kiện nhiệt độ cao, bụi.
45	Vận hành máy nghiền thành phẩm phân lân.	Tiếp xúc với bụi, ồn.
46	Vận hành lò đốt cấp nhiệt cho máy sấy.	Tiếp xúc với nóng, bụi và khí CO.
47	Vận hành băng tải thành phẩm phân lân.	Tiếp xúc với bụi, ồn.
48	Vận hành máy đóng bao phân lân.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi nồng độ rất cao và ồn.
49	Bóc xếp, vận chuyển bao phân lân.	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, chịu tác động của bụi.
50	Vận hành máy đập quặng nguyên liệu sản xuất phân lân.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động bụi và ồn.
51	Vận hành băng tải trong dây chuyền sản xuất phân lân.	Thường xuyên tiếp xúc với bụi và ồn.
52	Vận hành thiết bị sàng tuyển nguyên liệu khô, ướt trong công nghệ sản xuất hóa chất.	Nơi làm việc ẩm ướt, tiếp xúc bụi, ồn.
53	Sàng tuyển, vận chuyển than trong công nghệ sản xuất phân bón hóa học.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi.
54	Vận chuyển bụi lò cao trong công nghệ sản xuất phân lân nung chảy.	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với bụi và hơi khí độc của khói lò cao.
55	Ép bán quặng apatit mịn, than cám trong công nghệ sản xuất phân lân.	Lao động ngoài trời, công việc nặng nhọc, tiếp xúc với bụi.
56	Điện phân dung dịch NaCl sản xuất NaOH.	Làm việc trong môi trường có Clo và dung dịch bão hòa.
57	Cô đặc xút NaOH.	Tiếp xúc với xút ăn da.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
58	Sửa chữa thùng điện giải trong công nghệ sản xuất NaOH.	Tiếp xúc với các chất độc mạnh như: NaOH, axit.
59	Sản xuất phèn.	Tiếp xúc với bụi, axit H ₂ SO ₄ , khí SO ₂ và SO ₃ .
60	Trộn ướt, ép bánh thuốc bọc que hàn.	Tiếp xúc với bụi MnO ₂ , SiO ₂ .
61	Sấy que hàn bằng lò điện.	Tiếp xúc với nhiệt độ cao, bụi fri.
62	Gia công làm sạch bề mặt lõi que hàn điện.	Thường xuyên tiếp xúc với bụi sắt và axit.
63	Nghiền, cán, khuấy, trộn, pha màu; đóng hộp sơn.	Tiếp xúc với phenol, xylen, benzen, ôxít crôm, sắt, kẽm.
64	Nấu si, sấp trong công nghệ sản xuất pin.	Làm việc trong môi trường nhiệt độ cao, dễ cháy, độc hại.
65	Tuyển chọn Mangan theo phương pháp trọng lực trong công nghệ sản xuất pin.	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với bụi mangan.
66	Vận hành máy đập, sàng quặng mangan.	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với bụi, ồn.
67	Cắt vải, dán ống lớp máy bay, máy kéo, ô tô, mô tô.	Tiếp xúc với xăng, dung môi hữu cơ.
68	Chế tạo ống cao su chịu áp lực.	Nặng nhọc, tiếp xúc với các hóa chất xúc tác, lưu huỳnh.
69	Đục khuôn mẫu lớp các loại	Chịu tác động của tiếng ồn và bụi kim loại
70	Sản xuất bột CaCO ₃	Tiếp xúc với bụi SiO ₂ , sữa vôi
71	Vận hành băng tải xích, băng tải cao su trong tuyển quặng apatít.	Chịu tác động của rung, ồn và bụi.
72	Vận hành máy sàng ướt tuyển quặng apatít.	Nơi làm việc ẩm ướt, chịu tác động của ồn và rung.
73	Vận hành máy nghiền phân cấp tuyển quặng apatít.	Làm việc trong môi trường ẩm ướt, ồn, rung và bụi.
74	Vận hành thiết bị tiếp thuốc tuyển quặng apatít.	Tiếp xúc thường xuyên với hóa chất độc.
75	Pha chế thuốc tuyển nổi quặng apatít.	Tiếp xúc thường xuyên với hóa chất độc
76	Vận hành hệ thống máy lọc thành phẩm quặng apatít.	Tiếp xúc dung môi hữu cơ và axit.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
77	Vận hành hệ thống máy sấy thành phẩm quặng apaptít.	Chịu tác động của bụi, ồn, nhiệt độ cao.
78	Sản xuất ống PVC các loại	Tiếp xúc với nóng, bụi, hơi và khí độc.
79	Vận hành máy dệt bao PP, PE các loại.	Đứng suốt ca làm việc, chịu tác động của ồn, rung và bụi.
80	Vận hành nồi hơi trong công nghệ sản xuất hóa chất.	Tiếp xúc với bụi, khói từ các loại nguyên liệu, các loại dầu nhờn và nhiệt độ cao.
81	Vận hành máy nén khí trong công nghệ sản xuất hóa chất.	Chịu tác động của ồn, rung và hóa chất.
82	Sửa chữa cơ, điện trong dây chuyền sản xuất hóa chất.	Làm việc trong môi trường có hóa chất độc, tư thế lao động gò bó.
83	Bọc lót chống ăn mòn trong dây chuyền sản xuất hóa chất	Tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc.
84	Sửa chữa hệ thống, thiết bị đo lường trong công nghệ sản xuất hóa chất	Làm việc trong môi trường hóa chất độc hại, tư thế lao động gò bó.
85	Vận hành bơm các dung dịch axit, bazơ trong công nghệ sản xuất hóa chất.	Thường xuyên xúc tiếp axit và bazơ độc hại.
86	Vệ sinh công nghiệp trong các nhà máy sản xuất hóa chất.	Làm việc trong môi trường hóa chất độc công việc thủ công, nặng nhọc.
87	Chỉ đạo kỹ thuật trực tiếp trong dây chuyền sản xuất hóa chất.	Xử lý nhiều công việc phức tạp, chịu tác động của ồn, bụi và hóa chất độc.
88	Sản xuất các hóa chất tinh khiết.	Công việc thủ công nặng nhọc, làm việc trong môi trường hóa chất độc hại.
89	Vận hành máy tuyển nổi quặng nguyên liệu.	Chịu tác động của ồn, rung.
90	Vận hành máy cấp thuốc tuyển.	Tiếp xúc với dung môi hữu cơ và axit.
91	Sản xuất xà phòng kem, xà phòng bột.	Thường xuyên chịu tác động của hóa chất, bụi độc.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
92	Lấy mẫu, phân tích chất lượng nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm trong dây chuyền sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất...	Thường xuyên tiếp xúc với các hóa chất độc, ôn và bụi.
93	Vận hành, sửa chữa đồng hồ đo áp lực trong dây chuyền sản xuất hóa chất	Thường xuyên phải đi lại, tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của bụi và hóa chất độc.
94	Sửa chữa ắc quy	Công việc thủ công, thường xuyên tiếp xúc chì và axit.
95	Thí nghiệm, kiểm tra chất lượng bán thành phẩm, thành phẩm ắc quy	Công việc thủ công, thường xuyên tiếp xúc với hơi, bụi chì và axit.
96	Nạp điện ắc quy trong dây chuyền sản xuất ắc quy	Công việc thủ công, tiếp xúc với hơi, bụi chì và axit.
97	Bóc xép, vận chuyển hóa chất và các sản phẩm hóa chất trong công nghệ sản xuất hóa chất.	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với các loại hóa chất độc.
98	Công nhân lò đốt than trong công nghệ sản xuất hóa chất.	Lao động thủ công, tiếp xúc thường xuyên với bụi, nóng, nồng độ khí CO ₂ , khí SO ₂ cao.
99	Công nhân sản xuất Na ₂ SiO ₃ .	Thường xuyên tiếp xúc nhiệt độ cao, bụi Silic, soda (Na ₂ CO ₃).
100	Công nhân sản xuất Poly aluminium clorua (P.A.C), sản xuất CaCl ₂ .	Thường xuyên tiếp xúc nhiệt độ cao, khí HCl.

IV. VẬN TẢI

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại VI	
1	Sĩ quan máy, thợ máy, thợ điện tàu viễn dương, tàu ven biển vận tải hàng hoá, xăng, dầu	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó, chịu tác động nóng, rung và ồn.
2	Lái xe vận tải chuyên dùng, có trọng tải từ 60 tấn trở lên.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm chịu tác động của ồn, rung và bụi.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
3	Bốc xếp thủ công dưới các hầm tàu vận tải biển	Công việc rất nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí, tư thế làm việc gò bó.
Điều kiện lao động loại V		
1	Sĩ quan, thuyền viên, kỹ thuật viên, thợ máy các tàu công trình	Thường xuyên ăn ở sinh hoạt trên sông, biển; công việc nặng nhọc, chịu tác động của sóng và tiếng ồn lớn..
2	Lái đầu máy xe lửa	Thường xuyên lưu động trên tàu, luôn căng thẳng thần kinh, ảnh hưởng của tiếng ồn.
3	Lái xe vận tải, có trọng tải 20 tấn trở lên	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, ảnh hưởng của bụi, rung và ồn cao
4	Lái máy xúc dung tích gầu từ 4m ³ trở lên	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của bụi, ồn cao.
5	Sĩ quan boong, sĩ quan điện, vô tuyến điện, thủy thủ, cấp dưỡng, phục vụ, bác sĩ, quản trị trường trên tàu viễn dương, tàu ven biển vận tải hàng hóa, xăng, dầu	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của sóng gió, ồn và rung.
6	Lái xe ô tô chở khách từ 80 ghế trở lên.	Công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của ồn và rung.
7	Máy trưởng, thợ máy phà tự hành, ca nô lai dạt phà và tàu sông có công suất từ 90 CV trở lên.	Nơi làm việc chật hẹp, chịu tác động của ồn, rung, nóng, thường xuyên tiếp xúc với xăng, dầu, tư thế lao động gò bó.
8	Sản xuất vỏ tàu và các sản phẩm từ Compositic	Tiếp xúc với các hóa chất độc như: butanol, axetol, bòng thủy tinh...
9	Làm việc trên đốc nổi	Thường xuyên làm việc trong hầm chật hẹp, thiếu dưỡng khí, chịu tác động của nóng và tiếng ồn cao
10	Lặn kiểm tra tàu, vệ sinh lòng bến, đặt goong phục vụ hạ thủy	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên tiếp xúc với các vi sinh vật gây bệnh
11	Nhân viên điều độ chạy tàu (Điều độ viên trực tiếp chỉ huy chạy tàu tại các trung tâm).	Công việc rất phức tạp, căng thẳng thần kinh tâm lý.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
12	Vận hành cần trục giàn cầu tàu.	Làm việc trên cao, độ rung lắc lớn, nguy cơ mất an toàn cao.
13	Vận hành cần trục chân đế.	Làm việc trên cao, độ rung lắc lớn, nguy cơ mất an toàn cao.
14	Vận hành cần trục bánh lốp.	Môi trường bụi, ồn, cường độ lao động khản trương.
15	Vận hành xe nâng hàng xếp dỡ Container.	Môi trường bụi, ồn, cường độ lao động khản trương.
16	Vận hành xe nâng hàng bách hóa (không phải Container).	Môi trường bụi, ồn, cường độ lao động khản trương
17	Lái xe vận tải trong dây chuyền xếp dỡ.	Môi trường bụi, ồn, cường độ lao động khản trương.
18	Bóc xếp thủ công.	Môi trường bụi, ồn, hơi khí độc, cường độ lao động khản trương, nặng nhọc nguy hiểm.
19	Trực tiếp làm việc trong Hàm đường bộ Hải Vân (vận hành máy, thiết bị; phòng cháy chữa cháy; bảo dưỡng, vệ sinh hầm; đảm bảo an toàn giao thông, hướng dẫn lánh nạn).	Chịu tác động của từ trường lớn do có sự cộng hưởng từ các thiết bị điện; chịu ảnh hưởng của tiếng ồn, hơi xăng dầu, hơi khí độc, bụi; chịu ảnh hưởng của khí hậu khắc nghiệt do ở độ cao 127m so với mặt nước biển; chịu ảnh hưởng của nước thải và hóa chất tẩy rửa từ công tác vệ sinh hầm; làm việc trong điều kiện thiếu dưỡng khí, dễ xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông.
20	Khai thác viên hệ thống thông tin Duyên hải Việt Nam.	Công việc căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của ồn.
21	Kỹ thuật viên hệ thống thông tin Duyên hải Việt Nam.	Công việc căng thẳng thần kinh tâm lý, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, điện từ trường.
22	Thuyền viên làm việc trên tàu tìm kiếm cứu nạn, trực vớt tài sản chìm đắm, cứu hộ.	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của sóng, gió, thời tiết, căng thẳng thần kinh tâm lý.
23	Giám sát viên, điều hành viên hệ thống hành hải tàu thuyền.	Căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của ồn, điện từ trường siêu cao tần.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
24	Kỹ thuật viên điều hành hệ thống hành hải tàu thuyền.	Căng thẳng thần kinh tâm lý, tư thế lao động gò bó, thường xuyên làm việc trên tháp radar cao 50m, chịu ảnh hưởng của ồn, điện từ trường siêu cao tần.
25	Thuyền viên làm việc trên tàu, ca nô công vụ của cảng vụ hàng hải.	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của sóng, gió, rung, ồn, căng thẳng thần kinh tâm lý.
26	Thuyền viên làm việc trên tàu, ca nô phục vụ tiếp tế, kiểm tra hệ thống báo hiệu hàng hải đèn biển, luồng hàng hải; đưa đón hoa tiêu hàng hải.	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của sóng, gió, rung, ồn.
27	Kiểm tra tàu, thuyền, công trình thủy, báo hiệu hàng hải.	Công việc nguy hiểm, chịu tác động của bụi, hơi khí độc.
28	Kiểm tra công trình biển.	Làm việc ở ngoài khơi, xa bờ, chịu tác động của sóng, gió.
29	Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa phao tiêu, báo hiệu hàng hải.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung.
30	Quản lý và vận hành các thiết bị báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải, cửa sông, dọc theo các sông có vận tải thủy.	Làm việc ngoài trời, công việc nguy hiểm, chịu tác động của sóng, gió, rung.
31	Công nhân quản lý, vận hành đèn biển.	Làm việc ngoài khơi, công việc nguy hiểm, chịu tác động của sóng, gió.
32	Thợ giàn giáo trong nhà máy đóng tàu	Làm việc trên cao, dưới hầm tàu (sâu 20 - 30m), phải mang vác nặng trong lúc leo trèo. Vị trí làm việc chênh vênh nguy hiểm, môi trường làm việc thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí, nóng bụi. Tư thế làm việc gò bó, chật hẹp.
Điều kiện lao động loại IV		
1	Điều độ viên trực tiếp chỉ huy chạy tàu tại các trung tâm (Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh)	Luôn giải quyết những việc phức tạp, căng thẳng thần kinh

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
2	Tuần đường, tuần cầu (đường sắt)	Đi lại nhiều, tập trung quan sát để kiểm tra đường, lưu động ngoài trời
3	Cấp than đầu máy hơi nước (tàu hỏa)	Công việc nặng nhọc, nóng, bụi và ồn
4	Lái ô tô ray, xe goòng	Thường xuyên lưu động, ảnh hưởng của tiếng ồn, bụi
5	Vận hành máy tàu sông	Thường xuyên lưu động trên sông, ảnh hưởng nóng, ồn, luôn tiếp xúc với dầu mỡ.
6	Trưởng đôn móc nói đầu máy toa xe ở các ga lớn (Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh)	Làm ngoài trời, đi lại nhiều, ảnh hưởng của tiếng ồn, bụi
7	Nhân viên nấu ăn, phục vụ ăn uống trên tàu Bắc Nam	Lưu động theo tàu, công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, nóng, ồn
8	Sỹ quan, thuyền viên các tàu vận tải sông có công suất từ 90CV trở lên	Thường xuyên lưu động trên sông, công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của sóng, gió, ồn
9	Cấp dưỡng tàu công trình	Ăn, ở sinh hoạt trên sông, biển như các thuyền viên; nơi làm việc chật hẹp, công việc nặng nhọc
10	Trưởng tàu khách, trưởng tàu hàng.	Thường xuyên lưu động theo tàu, chịu tác động của ồn, rung và bụi, căng thẳng thần kinh tâm lý.
11	Áp tải, bảo vệ, giao nhận hàng hóa, hành lý, thiết bị theo tàu.	Lưu động theo tàu, chịu tác động của ồn, rung và bụi.
12	Trục ban, điều độ, chạy tàu ở các ga.	Đi lại nhiều, giải quyết nhiều công việc phức tạp, căng thẳng thần kinh tâm lý.
13	Trưởng đôn, móc nói, dẫn máy ở các ga lập tàu.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, đi lại nhiều, chịu tác động của ồn và bụi.
14	Quay ghi đường sắt ở các ga lập tàu.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của ồn và bụi.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
15	Gác chắn đường ngang cấp I, gác chắn cầu chung.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, bụi than và bụi hỗn hợp (khi tàu chạy qua).
16	Tuần hầm đường sắt.	Đi lại nhiều trong hầm tối, tập trung quan sát để kiểm tra đường.
17	Vệ sinh sân ga, vệ sinh toa xe ở các ga xe lửa.	Làm việc ngoài trời, ảnh hưởng của ồn và bụi
18	Lắp đặt và đại tu thiết bị thông tin tín hiệu đường sắt.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi.
19	Sàng và cấp cát đầu máy xe lửa.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của bụi nồng độ rất cao.
20	Vận hành bê luộc rửa phụ tùng đầu máy, toa xe.	Công việc nặng nhọc, luôn tiếp xúc với dầu mỡ và các hóa chất độc.
21	Phụ cầu, móc cáp.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
22	Phục vụ ăn, uống cho công nhân duy tu và đại tu đường sắt.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, đi lại nhiều, chịu tác động của nóng, bụi.
23	Thuyền trưởng, thuyền phó, thủy phủ phà, canô lai dắt phà.	Chịu tác động của sóng, gió, ồn, rung, thường xuyên tiếp xúc với xăng, dầu.
24	Điều khiển máy bánh hơi thi công nền, mặt đường.	Làm việc nặng nhọc, ảnh hưởng của nóng, bụi và rung.
25	Lái xe vận tải từ 7 tấn đến dưới 20 tấn.	Nặng nhọc, căng thẳng thần kinh tâm lý, ồn, rung, nguy hiểm.
26	Lái xe ô tô khách từ 40 ghế đến dưới 80 ghế.	Lưu động, nguy hiểm, căng thẳng thần kinh, chịu tác động của ồn, rung.
27	Trực tiếp chỉ đạo kỹ thuật đóng, sửa chữa tàu, thuyền ở các bến cảng	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó.
28	Sản xuất Matit để xam vỏ tàu gỗ	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất.
29	Soát vé, điều hành xe tại các trạm thu phí cầu, đường, bến phà.	Chịu tác động của bụi, tiếng ồn, hơi xăng dầu, khí độc (CO ₂ , CO...) và thời tiết thay đổi theo mùa.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
30	Dùng xe, hướng dẫn xe lên bàn cân tại các trạm kiểm tra tải trọng xe.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của bụi, tiếng ồn, hơi xăng dầu, khí độc (CO ₂ , CO...).
31	Sửa chữa cần cầu, máy, thiết bị thi công tại các công trình giao thông.	Làm việc ngoài trời, trên cao; chịu tác động của thời tiết thay đổi; tư thế làm việc gò bó, nguy hiểm.
32	Nhân viên phục vụ (nấu ăn, phục vụ ăn uống, dọn dẹp, vệ sinh toa, giường nằm) trên các đoàn tàu hỏa chở khách.	Phải kiêm nhiệm nhiều việc, công việc vất vả, thường xuyên lưu động theo tàu suốt ngày đêm. Chịu tác động của bụi, ồn, rung và khí hậu thay đổi của các miền trong một thời gian ngắn.
33	Trực tiếp quản lý, vận hành Hàm đường bộ Hải Vân (làm việc tại Trung tâm điều hành OCC; bảo vệ hầm thông gió; nhân viên vệ sinh, chăm sóc cây cảnh).	Chịu tác động của từ trường lớn; chịu ảnh hưởng của tiếng ồn, hơi xăng dầu, hơi khí độc; chịu ảnh hưởng của khí hậu khắc nghiệt do ở độ cao 127 mét so với mặt nước biển; chịu ảnh hưởng của nước thải và hóa chất tẩy rửa từ công tác vệ sinh hầm, thiếu dưỡng khí, nhiều bụi, khói; làm việc trong điều kiện dễ xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông.
34	Công nhân xây dựng cầu đường bộ.	Lao động phân tán, lưu động, thủ công, ngoài trời; chịu tác động của bụi, tiếng ồn, hơi khí độc; làm việc trong điều kiện dễ xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông.
35	Nhân viên bán vé, hỗ trợ bán vé, hỗ trợ soát vé cầu, đường bộ.	Chịu tác động của bụi, tiếng ồn, hơi xăng dầu, khí độc (CO, CO ₂ ...); làm việc ngoài trời, trong điều kiện dễ xảy ra tai nạn giao thông.
36	Sơn gờ giảm tốc, giải phân làn trên đường bộ.	Chịu tác động của bụi, tiếng ồn, hơi xăng dầu, hơi khí độc; lao động ngoài trời, trong điều kiện dễ xảy ra tai nạn giao thông.
37	Lái máy san.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của ồn, rung và bụi.
38	Cấp nhiên liệu cho đầu máy, to axle.	Công việc độc hại, tiếp xúc thường xuyên với xăng, dầu và các sản phẩm hóa dầu.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
39	Vận hành, điều khiển cầu đường sắt.	Tiếp xúc thường xuyên với ồn, bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
40	Phun bi, tẩy rỉ kim loại.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, rung và bụi nồng độ cao.
41	Vận hành máy đầm, máy rung, máy dùi, máy xiết đinh đường sắt.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của tiếng ồn và rung lớn.
42	Sản xuất bê tông (tạ vệt bê tông, cấu kiện bê tông...).	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, ồn và bụi.
43	Duy tu, vệ sinh cầu Thăng Long.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
44	Gác chắn đường ngang.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép. Công việc nặng nhọc căng thẳng, nguy cơ tai nạn cao.
45	Thợ máy tàu.	Môi trường bụi, ồn, hơi khí độc, cường độ lao động khẩn trương, nặng nhọc nguy hiểm
46	Sỹ quan thủy thủ, thuyền viên trên tàu vận tải.	Môi trường bụi, ồn, hơi khí độc, cường độ lao động khẩn trương, nặng nhọc nguy hiểm
47	Sửa chữa gầm, máy các loại ô tô, xe nâng container.	Chịu tác động bụi, ồn, hơi khí độc; công việc nặng nhọc.
48	Chiết nạp và sản xuất khí công nghiệp.	Chịu tác động bụi, ồn; công việc gò bó, nguy hiểm.
49	Kiểm tra và sửa chữa bình áp lực.	Chịu tác động bụi, ồn; công việc nguy hiểm.
50	Công nhân quản lý đường thủy nội địa.	Làm việc ngoài trời, nặng nhọc, ảnh hưởng của sóng, gió.
51	Công nhân khảo sát, duy tu, bảo trì đường thủy nội địa.	Làm việc ngoài trời, nặng nhọc, ảnh hưởng của sóng, gió.
52	Công nhân lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của sóng, gió.
53	Thuyền trưởng, máy trưởng làm việc trên tàu công tác quản lý đường thủy nội địa.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng của sóng, gió.
54	Nhân viên phục vụ hệ thống thông tin Duyên hải Việt Nam.	Chịu tác động của ồn, điện từ trường.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
55	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa ra - đũa ở các trạm ra - đũa trong hệ thống lưu thông hàng hải trên luồng.	Chịu ảnh hưởng của điện từ trường, thường xuyên làm việc trên cao.
56	Công nhân quản lý vận hành luồng hàng hải.	Làm việc theo ca, chịu nhiều ảnh hưởng của điện từ trường, căng thẳng thần kinh tâm lý.
57	Tiếp nhận, truyền phát và xử lý thông tin an ninh, an toàn hàng hải.	Công việc căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của điện từ trường.
58	Vận hành máy thi công đường sắt (máy sang đá, máy thay tà vẹt, máy hàn ray, máy mài ray, máy xúc đào, máy đa năng)	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc lầy lội, ẩm ướt, chịu tác động của ồn, rung. Thường xuyên tiếp xúc với các loại axit, kiềm, xút...
59	Mộc, nề, kiến trúc, sắt, sửa chữa cơ khí tại hiện trường (đường sắt)	Chịu tác động hơi kiềm, ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép
60	Điều phối tàu, máy, thiết bị, nhân lực ở các bến cảng	Luôn tiếp xúc với môi trường độc hại, nguy hiểm, nồng độ bụi rất cao, nắng nóng, mưa gió, nguy hiểm cho nhiều thiết bị cùng tác nghiệp.
61	Chế tạo vỏ tàu thủy	Tư thế làm việc gò bó, công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với tiếng ồn, bụi
62	Vận hành dây chuyền làm sạch tôn	Nơi làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí, thiếu ánh sáng, thường xuyên tiếp xúc với tiếng ồn, bụi nhiều
63	Cân hàng tại trạm cân điện tử ở các bến cảng	Công việc thường xuyên tiếp xúc tiếng ồn, bụi, căng thẳng thần kinh tâm lý
64	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ giới ở các bến cảng	Tư thế lao động gò bó, công việc nặng nhọc, tiếp xúc với dầu mỡ, ồn, bụi
65	Kỹ thuật viên đánh giá NDT	Tư thế lao động gò bó, nơi làm việc chật hẹp, tiếp xúc với hóa chất, phóng xạ

V. XÂY DỰNG GIAO THÔNG VÀ KHO TÀNG BẾN BÁI

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
Điều kiện lao động loại VI		
1	Ngâm tấm, bảo quản tà vẹt phòng mục bán tự động	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm và độc hại do phải tiếp xúc trực tiếp với hóa chất độc mạnh (phenol) ở nồng độ rất cao.
2	Thợ lặn công trình.	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của áp suất cao.
3	Quản lý và khai thác đèn biển trên quần đảo Trường Sa.	Thường xuyên chịu tác động của sóng, gió, ồn và khí hậu khắc nghiệt.
Điều kiện lao động loại V		
1	Vận hành máy chèn đường sắt.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của tiếng ồn, rung lớn.
2	Bóc xếp thủ công ở các cảng.	Công việc thủ công, làm việc ngoài trời và rất nặng nhọc
3	Bóc xếp thủ công ở các ga, kho, bến, bãi.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công rất nặng nhọc.
4	Kích kéo lắp dầm thép trên cao	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của rung và ồn.
5	Đổ bê tông, xây mố, trụ cầu.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn và rung.
6	Gia công cọc, ván thép; lao lắp nâng hạ dầm cầu.	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn và rung.
7	Phun cát tẩy rỉ	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, rung, bụi nồng độ rất cao.
8	Vận hành máy đóng cọc xây dựng công trình.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc đầu mồi, ồn, tư thế làm việc gò bó.
9	Lái cầu nổi thi công cầu và lao lắp dầm cầu.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của tiếng ồn cao.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
10	Tán đinh ri vê kết cấu thép.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, nóng, khí CO và CO ₂ .
11	Khoan nhồi bê tông tạo cọc móng trụ cầu; vận hành máy tạo vữa Ben-tô-nít vào lỗ khoan cọc nhồi.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, luôn tiếp xúc với hóa chất và ồn.
12	Làm việc dưới móng trụ cầu trong vòng vây cọc, ván thép	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của tiếng ồn.
13	Pha chế sơn và phun sơn dầm cầu.	Tiếp xúc hóa chất độc hại, tư thế lao động gò bó.
14	Hàn đối đầu các dầm cầu thép.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý, thường xuyên tiếp xúc hơi khí độc.
15	Sử dụng máy quang tuyến X chụp mới hàn dầm cầu, mặt cầu thép.	Làm việc ngoài trời, tư thế lao động gò bó, chịu tác động trực tiếp của tia Rơn ghen.
16	Đào đất, đá hạ giếng chìm bằng thủ công.	Lao động thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi và ồn.
17	Phá đá, phá trụ cầu, phá dầm cầu dưới nước.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
18	Vận hành máy trộn bê tông nhựa nóng (không có buồng điều khiển).	Chịu tác động của nhiệt độ cao, ồn, rung mạnh, hơi khí độc và bụi nhiều.
19	Cấp nhựa cho máy nấu nhựa bằng thủ công.	Rất nặng nhọc, độc hại và nóng.
20	Nấu, tưới nhựa nóng và láng mặt đường bằng thủ công.	Nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với hơi, khí, bụi độc và bức xạ nhiệt.
21	Xây dựng, lắp ráp, sửa chữa thiết bị, công trình hải đăng, đèn đảo.	Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của sóng, gió.
22	Quản lý và khai thác đèn biển trên các đảo và cửa biển.	Chịu tác động của sóng, gió và khí hậu khắc nghiệt.
23	Gạt than, phân bón rời dưới hầm tàu biển, tàu sông, xả lan.	Nơi làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí, công việc thủ công, nặng nhọc, tư thế lao động gò bó.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
24	Thợ lặn cần kê tàu.	Lao động nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó.
25	Sơn, cạo ri đáy tàu.	Lao động nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, nơi làm việc thiếu dưỡng khí, hôi thối.
26	Khảo sát, kiểm tra, thông báo luồng cửa sông, cửa biển.	Thường xuyên làm việc ngoài trời, trên sông nước, môi trường hôi thối, bẩn thỉu.
27	Thắp đèn ở các phao trên luồng hàng hải, cửa sông, vùng hồ, dọc theo các sông có vận tải thủy.	Làm việc ngoài trời, nguy hiểm, chịu tác động của sóng gió, rung lắc, tư thế lao động gò bó.
28	Thợ sắt, thợ hàn sắt trên các công trình xây dựng và sửa chữa cầu	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn, rung, khí CO ₂ , CO....
29	Làm mới, đại tu đường sắt.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc.
Điều kiện lao động loại IV		
1	Sửa chữa, bảo dưỡng, duy tu cầu, đường sắt	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công nặng nhọc, bụi
2	Vệ sinh sân ga, vệ sinh toa xe ở các ga (Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh)	Làm việc ngoài trời, ảnh hưởng của ồn và bụi bẩn
3	Lái xe cần trục từ 20 tấn trở lên	Công việc nặng nhọc, nóng
4	Lái máy ủi	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của ồn, rung và bụi
5	Trục trạm quản lý đường ven sông, ven biển, lòng hồ	Lưu động trên sông nước, công việc nặng nhọc
6	Lái cầu điện, cầu diezen ở cảng	Chịu tác động của ồn, bụi và nóng
7	Vận hành cầu trục chân đế ở cảng	Tiếp xúc thường xuyên với bụi và ồn rất cao
8	Đúc bê tông dầm cầu dự ứng lực, cọc ống ly tâm.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn cao, nóng và bụi.
9	Hàn ống thép phục vụ cọc khoan nhồi.	Làm việc ngoài trời, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của khí độc (khí hàn).

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
10	Làm ván khuôn cấu kiện đầm cầu, móng trụ cầu; làm sắt cầu, cầu cáp.	Lao động ngoài trời, nặng nhọc, nguy hiểm.
11	Điều khiển máy đầm bê tông, cấu kiện bê tông.	Công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng của tiếng ồn, rung và bụi.
12	Đúc đẩy bê tông dự ứng lực	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, ồn và bụi.
13	Vận hành trạm trộn bê tông nhựa nóng tự động (có buồng điều khiển).	Chịu tác động của ồn, căng thẳng thần kinh tâm lý.
14	Vận hành máy nấu nhựa, máy sấy đá, nồi hơi bảo ôn trạm trộn bê tông nhựa nóng.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của hơi khí độc và bụi nhiều.
15	Phục vụ trạm trộn bê tông nhựa nóng (vận chuyển nguyên liệu, nhiên liệu, tháo bao bột đá vào băng chuyền, xúc và vận chuyển bột đá ở máy sấy thái ra, quét dọn dầu, than... quét dầu, phun dầu vào thùng xe chờ bê tông nhựa nóng).	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, tiếp xúc với hơi khí độc, bụi.
16	Sửa chữa cơ khí thiết bị tại trạm trộn bê tông nhựa nóng.	Làm việc ngoài trời, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của hơi, khí, bụi độc.
17	Lái các loại xe lu lăn đường.	Nặng nhọc, ồn, rung, nóng và bụi nhiều.
18	Điều khiển xe máy ép hơi thổi bụi mặt đường, xe phun nhựa nóng, máy trải thảm bê tông nhựa nóng.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của ồn, rung, bụi, hơi khí độc và nóng.
19	Cuốc, xúc bụi, san mặt đường theo máy trải thảm bê tông nhựa nóng.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của nóng, hơi khí độc.
20	Sản xuất bê tông, nhựa đường, nhũ tương.	Tiếp xúc thường xuyên với nóng, bụi đá, hơi khí độc hydrocacbona axít và các hóa chất phụ gia khác).
21	Duy tu, sửa chữa cầu, đường bộ.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của bụi

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
22	Nhân viên hoa tiêu.	Làm việc trong buồng lái trên tàu biển, luôn đứng suốt hành trình dẫn tàu, tập trung quan sát cao, căng thẳng thần kinh tâm lý.
23	Đóng bao phát phát, apatit phân lân, urê,... ở các kho, bến, bãi, cảng sông, cảng biển, ga đường sắt.	Công việc thủ công, nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của bụi độc.
24	Trắc địa địa hình, địa chất khảo sát đường bộ, đường sông và đường biển.	Công việc nặng nhọc, thường xuyên lưu động, chịu tác động của bụi, mưa, nắng.
25	Sửa chữa, lắp đặt hệ thống điện, đường ống trong hầm tàu thủy.	Nơi làm việc chật hẹp, công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó.
26	Hòa công dưới hầm tàu thủy, xà lan.	Ảnh hưởng nóng, ồn, thiếu dưỡng khí.

VI. ĐIỆN

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
Điều kiện lao động loại V		
1	Vận hành băng tải than dưới nhà hầm, nhà máy nhiệt điện	Phải đi lại nhiều lần, tiêu hao năng lượng lớn, bản, nồng độ bụi rất cao
2	Vận hành điện, vận hành máy trong hang hầm nhà máy thủy điện	Giải quyết công việc phức tạp, phải đi lại nhiều, nơi làm việc thông thoáng khí kém, ảnh hưởng của ồn, rung trong suốt ca làm việc
3	Sửa chữa cáp thông tin, cáp lực trong hang hầm	Công việc nặng nhọc, luôn tiếp xúc với dầu mỡ, nơi làm việc thiếu dưỡng khí, ảnh hưởng của ồn, rung.
4	Cạo ri, sơn trong thùng kín trong hang hầm	Nơi làm việc chật hẹp, thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí, tư thế gò bó, chịu tác động của hóa chất trong sơn và CO ₂

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
5	Phun cát tẩy rỉ, sơn trong hang hầm	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của ồn, rung, bụi nồng độ cao và các hóa chất trong sơn, CO ₂
6	Khoan phun bê tông trong hang hầm	Công việc nặng nhọc, tiêu hao năng lượng lớn, ảnh hưởng của bụi, ồn rất cao và rung vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
7	Kiểm tra kim loại bằng quang phổ và siêu âm trong các nhà máy điện.	Chịu ảnh hưởng của chất phóng xạ; môi trường nóng, ồn, bụi, đôi khi làm việc ở nơi thiếu không khí.
8	Vận hành bao hơi nhà máy nhiệt điện.	Nơi làm việc có nhiệt độ cao, rất bụi và nguy hiểm.
9	Sửa chữa thiết bị cơ khí thủy lực cửa nhận nước, cửa đập tràn.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm (làm việc ở độ cao trên 30 m); không gian làm việc chật hẹp, trơn, rất nguy hiểm.
10	Sửa chữa máy bơm nước nhà máy thủy điện.	Công việc nặng nhọc, không gian làm việc chật hẹp, trơn, ẩm ướt; chịu tác động của nóng, ồn, hơi xăng, dầu.
11	Vận hành, sửa chữa cầu trục trong hầm máy phát điện.	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với bụi bản, dầu, mỡ và tiếng ồn cao.
12	Vận hành, sửa chữa hệ thống thông gió trong hầm nhà máy thủy điện.	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với bụi bản, dầu, mỡ và độ ồn cao.
13	Quản lý, vận hành đường dây và trạm biến áp 500KV.	Công việc nặng nhọc, thường xuyên lưu động theo đường dây qua các vùng địa hình, khí hậu phức tạp; tiếp xúc với điện từ trường cao, nguy hiểm.
14	Sửa chữa đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp trên 01 KV đang mang điện.	Công việc nguy hiểm, thường xuyên làm việc trên cao, căng thẳng thần kinh tâm lý.
Điều kiện lao động loại IV		
1	Vận hành lò nhà máy nhiệt điện	Nơi làm việc có nhiệt độ cao, rất bụi và nguy hiểm
2	Sửa chữa, bảo ôn lò nhà máy nhiệt điện	Công việc nặng nhọc, nóng, nồng độ bụi rất cao, thường xuyên tiếp xúc với bông thủy tinh dễ gây ngứa, dị ứng.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
3	Sửa chữa thiết bị thủy lực, sửa chữa thiết bị chính máy, sửa chữa thiết bị chính điện nhà máy điện	Tiếp xúc với dầu mỡ, bụi bẩn và tiếng ồn, tư thế làm việc gò bó
4	Vận hành máy, vận hành điện trong nhà máy điện	Công việc phức tạp, đi lại nhiều, ảnh hưởng của ồn, nồng độ bụi rất cao
5	Trưởng kíp vận hành kiểm nhiệt nhà máy nhiệt điện	Đi lại nhiều, ảnh hưởng của nóng, ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
6	Vận hành bơm tuần hoàn nhà máy nhiệt điện	Làm việc dưới hầm ẩm ướt, chịu tác động liên tục của tiếng ồn cao
7	Trưởng kíp vận hành than nhà máy nhiệt điện	Ảnh hưởng của ồn và bụi nồng độ cao
8	Vận hành thiết bị phụ tước bin nhà máy điện	Tiếp xúc thường xuyên với rung và tiếng ồn rất cao
9	Vận hành máy nén khí áp lực từ 8kg/cm ² trở lên	Ảnh hưởng của rung và tiếng ồn rất cao
10	Sửa chữa van hơi nhà máy nhiệt điện	Nơi làm việc chật hẹp, tư thế làm việc gò bó, ảnh hưởng của nóng và bụi nồng độ rất cao
11	Thí nghiệm thiết bị điện, thí nghiệm điện cao áp.	Ảnh hưởng của điện từ trường cao, thường xuyên tiếp xúc với điện cao áp nên rất nguy hiểm đến tính mạng
12	Sửa chữa thiết bị tự động nhà máy điện	Ảnh hưởng của bụi, rung và ồn cao
13	Sửa chữa cơ, điện trong nhà máy điện	Tư thế làm việc gò bó, ảnh hưởng của ồn, rung và bụi
14	Sửa chữa kiểm nhiệt nhà máy nhiệt điện	Tiếp xúc thường xuyên với nóng, rung và ồn cao
15	Sửa chữa hệ thống nhiên liệu trong nhà máy nhiệt điện, bao gồm: (Hệ thống bốc dỡ than, CSU, GSU, băng tải than, cầu trục và cầu tháp).	Nơi làm việc bẩn và rất bụi, tư thế làm việc gò bó
16	Vệ sinh công nghiệp nhà máy nhiệt điện	Công việc thủ công, ảnh hưởng của nóng, ồn và nồng độ bụi rất cao
17	Vận hành cửa nhận nước trạm bơm bờ trái, thiết bị đóng mở cánh phải đập tràn nhà máy thủy điện Hòa Bình	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc ẩm ướt, trơn dầu mỡ, ảnh hưởng của ồn cao

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
18	Sửa chữa, phóng nạp ắc quy trong hang hầm nhà máy điện	Nơi làm việc thiếu dưỡng khí, thường xuyên tiếp xúc với axit H ₂ SO ₄ , CO ₂
19	Sửa chữa nén khí, thiết bị trạm biến thế	Nơi làm việc chật hẹp, trơn dầu mỡ, ảnh hưởng của ồn cao
20	Thí nghiệm hóa nhà máy điện	Thường xuyên tiếp xúc với dầu mỡ, các hóa chất độc, ồn và bụi
21	Lọc dầu máy biến thế trong hang hầm	Nơi làm việc chật hẹp, thường xuyên tiếp xúc với dầu mỡ, ảnh hưởng của ồn cao
22	Sửa chữa cơ, điện phụ trong hang hầm nhà máy điện	Nơi làm việc kém thông thoáng, tư thế gò bó, ảnh hưởng của ồn cao
23	Khoan phun bê tông bằng máy nén khí cầm tay	Công việc nặng nhọc, bẩn, chịu tác động của bụi, ồn và rung vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
24	Lái cầu trục 350 tấn trong hầm nhà máy thủy điện	Làm việc trên cao, ảnh hưởng của rung, ồn lớn
25	Vệ sinh công nghiệp trong hang hầm nhà máy thủy điện	Công việc thủ công, nơi làm việc thiếu dưỡng khí, ảnh hưởng của bụi, rung và ồn cao
26	Công nhân vận hành trạm biến thế từ 110 KV trở lên	Căng thần kinh tâm lý, chịu tác động của điện từ trường cao, ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe
27	Công nhân địa chất quan trắc địa hình	Làm việc ngoài trời, đi bộ nhiều, tiêu hao năng lượng lớn
28	Hiệu chỉnh lò hơi nhà máy nhiệt điện.	Làm việc cạnh các thiết bị có nhiệt độ cao từ 160°C đến 540°C, chịu tác động của tiếng ồn và bụi.
29	Vận hành máy nghiền than trong nhà máy nhiệt điện.	Chịu tác động của nóng, tiếng ồn và bụi than có nồng độ cao.
30	Vận hành băng tải, xúc và gom than trong nhà máy nhiệt điện.	Công việc thủ công nặng nhọc, chịu tác động của nóng, ồn và bụi than có nồng độ cao.
31	Vận hành máy bơm dầu đốt lò nhà máy nhiệt điện (Vận hành nhà dầu).	Thường xuyên tiếp xúc với dầu mỡ, tiếng ồn và nhiệt độ cao.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
32	Vận hành hệ thống thải xỉ nhà máy nhiệt điện (bom thải xỉ, khử bụi, tổng tưới...).	Thường xuyên tiếp xúc với nóng, độ ồn cao và nồng độ bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
33	Kiểm nhiệt (trực chính, trực phụ) trong nhà máy nhiệt điện.	Thường xuyên tiếp xúc với nóng, rung, độ ồn cao và nồng độ bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
34	Sửa chữa các thiết bị điện trong nhà máy điện.	Tư thế lao động gò bó, ảnh hưởng của ồn, rung và bụi.
35	Lái quang lật toa than.	Thường xuyên làm việc ở môi trường nóng, bụi, ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
36	Móc nối toa xe than trong nhà máy nhiệt điện.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của môi trường (nóng, lạnh, gió...), tiếng ồn và nồng độ bụi than cao.
37	Công nhân xúc xỉ dưới lò nhà máy nhiệt điện.	Công việc nặng nhọc, đơn điệu; thường xuyên tiếp xúc với nóng, bụi.
38	Vận hành tua bin khí.	Chịu tác động của rung, nóng và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
39	Hàn và mài cánh hướng nước, cánh tua bin nhà máy thủy điện.	Làm việc trong hầm sâu, thiếu dưỡng khí; tiếp xúc thường xuyên với tiếng ồn, nhiệt độ cao, hơi khí độc và bụi thép.
40	Quản lý, vận hành đường dây từ 110KV đến dưới 500KV.	Thường xuyên lưu động theo đường dây, qua các vùng địa hình, khí hậu phức tạp; tiếp xúc với điện từ trường cao, ảnh hưởng đến sức khỏe.
41	Vệ sinh công nghiệp trạm biến áp 500 KVA.	Công việc đơn điệu; tiếp xúc với bụi bản, điện từ trường cao ảnh hưởng đến sức khỏe và nguy hiểm.
42	Sản xuất hòm công tơ vật liệu Composit.	Tiếp xúc với nóng, hóa chất độc nồng độ cao, gây khó thở, mệt mỏi.
43	Sửa chữa, sấy máy biến áp có công suất từ 200 KVA trở lên.	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với dầu mỡ, môi trường có nhiệt độ cao.
44	Vận hành máy bện cáp nhôm.	Ảnh hưởng trực tiếp của bụi nhôm và tiếng ồn cao.
45	Vận hành máy đúc cột điện bê tông ly tâm.	Chịu tác động của tiếng ồn, rung và bụi.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
46	Sản xuất vật liệu cách điện.	Công việc nặng nhọc; tiếp xúc với nhiệt độ cao và hóa chất độc hại (Phenol, Formalin, Amoniac...) nồng độ cao.
47	Vận hành, sửa chữa cầu trục gian tuabin, máy phát nhà máy nhiệt điện	Làm việc trên cao, căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu ảnh hưởng của bụi, ồn cao và rung lớn.
48	Vận hành cầu trục kho than nhà máy nhiệt điện.	Làm việc trên cao, tư thế gò bó, chịu tác động của bụi, rung, ồn cao.
49	Vận hành máy đánh, phá đóng kho than nhà máy nhiệt điện.	Làm việc trên cao, thường xuyên phải di chuyển lên xuống, chịu tác động của nóng bụi, ồn cao.
50	Vận hành, sửa chữa thiết bị khử khí lưu huỳnh nhà máy nhiệt điện.	Làm việc ở nhiều độ cao khác nhau (từ 25 mét xuống âm 10 mét), tiếp xúc nguồn phóng xạ kín, chịu tác động bụi, ồn.
51	Sửa chữa thiết bị điện lạnh nhà máy nhiệt điện.	Làm việc trên cao, tư thế gò bó, thường xuyên tiếp xúc môi chất lạnh, chịu tác động bụi, nóng ồn.
52	Vận hành, sửa chữa thiết bị đo lường, điều khiển nhà máy nhiệt điện.	Làm việc ở nhiều độ cao khác nhau (từ 50 mét đến âm 10 mét), căng thẳng thần kinh, tư thế làm việc gò bó, chịu tác động bụi, nóng, ồn, phóng xạ.
53	Vận hành, sửa chữa trạm bơm tuần hoàn nước hồ xi nhà máy nhiệt điện than.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động ồn, rung, thường xuyên tiếp xúc hơi axit HCl.
54	Nhân viên thí nghiệm, hiệu chỉnh tua bin hơi nhà máy nhiệt điện.	Công việc nguy hiểm, tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của ồn, rung lớn.
55	Tổ trưởng tổ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị lò hơi, tua bin nhà máy nhiệt điện.	Công việc nguy hiểm, tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của ồn, rung lớn.
56	Vận hành, sửa chữa thiết bị điện phân hydro nhà máy nhiệt điện.	Thường xuyên tiếp xúc hơi kiềm (KOH) và khí H ₂ , chịu tác động của ồn cao.
57	Vận hành, sửa chữa thiết bị kênh nước tuần hoàn và thiết bị thải trên hồ xi nhà máy nhiệt điện.	Thường xuyên làm việc ngoài trời, đi lại nhiều (trên 15 km/ngày), công việc nặng nhọc, chịu tác động bụi bẩn.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
58	Sửa chữa thiết bị thông tin (cáp thông tin, điện thoại, loa, bộ đàm, camera giám sát) trong nhà máy nhiệt điện.	Thường xuyên đi lên xuống (từ âm 10 mét đến 50 mét), tư thế làm việc gò bó, chịu tác động bụi, ồn và điện từ trường.
59	Lái xe tải chở xỉ trong nhà máy nhiệt điện.	Làm việc trong khu vực có thiết bị điện, lối đi chật hẹp, công việc căng thẳng thần kinh, chịu tác động ồn, rung, nóng.
60	Trực tiếp đo, kiểm tra, giao nhận than, dầu tại nhà máy nhiệt điện.	Thường xuyên làm việc ngoài trời; kiểm tra dưới các hang, hầm ẩm ướt, công việc gò bó, chịu tác động nóng, bụi, hơi dầu.
61	Lấy mẫu than, dầu nhà máy nhiệt điện.	Thường xuyên làm việc ngoài trời; kiểm tra dưới các hang, hầm ẩm ướt, công việc gò bó, chịu tác động nóng, bụi, hơi dầu.
62	Vận hành hệ thống, thiết bị tuyến tro xỉ trong nhà máy nhiệt điện.	Thường xuyên làm việc ngoài trời, chịu tác động nóng, bụi.
63	Vận hành trạm đỡ tải than nhà máy nhiệt điện.	Thường xuyên làm việc ngoài trời, làm việc trên sông nước, chịu tác động nóng, bụi.
64	Lái xe ô tô cầu tự hành trong nhà máy nhiệt điện.	Công việc căng thẳng thần kinh, chịu tác động nóng, bụi.
65	Quản lý và vận hành trạm biến áp từ 110KV đến dưới 500 KV.	Công việc nặng nhọc, lưu động, tiếp xúc với điện từ trường cao.
66	Sửa chữa, vệ sinh buồng ngưng và đường ống bơm tuần hoàn làm mát chính các tổ máy tua bin hơi.	Nơi làm việc chật hẹp, thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí, chịu tác động nóng.
67	Thay lọc gió tua bin khí.	Làm việc trên cao, chịu tác động bụi thủy tinh, ồn.
68	Công nhân làm việc với máy chụp ảnh bức xạ công nghiệp; kiểm tra bằng phương pháp thăm thấu chất lỏng (PT), kiểm tra bằng bột từ (MT).	Tiếp xúc hóa chất độc hại, chịu tác động tia cực tím, tia bức xạ.
69	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị trạm từ 110KV đến dưới 500 KV.	Công việc nguy hiểm, chịu tác động của điện từ trường cao.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
70	Sửa chữa, bảo dưỡng tua bin khí, tua bin hơi, lò thu hồi nhiệt và máy phát nhà máy nhiệt điện.	Công việc căng thẳng đòi hỏi độ chính xác cao, chịu tác động nóng, bụi, ồn.
71	Phun, phủ kim loại tua bin nhà máy nhiệt điện.	Tiếp xúc với bụi silic, hóa chất độc hại, chịu tác động tia bức xạ.
72	Quản lý, vận hành lưới điện trung, hạ thế.	Làm việc trên cao, ngoài trời, tiếp xúc trực tiếp với nguồn điện.
73	Vận hành, bảo trì trạm phát điện sử dụng dầu (trạm diesel).	Công việc thường xuyên tiếp xúc dầu mỡ, chịu tác động tiếng ồn.
74	Vận hành, bảo trì trạm biến thế trung thế.	Căng thẳng thần kinh, tiếp xúc với từ trường cao.
75	Kiểm tra, kiểm định, hiệu chỉnh thiết bị đo đếm điện năng	Tiếp xúc trực tiếp chì, điện từ trường cao.
76	Treo, tháo, giám sát, bảo trì thiết bị đo đếm điện năng	Làm việc trên cao, ngoài trời, tiếp xúc trực tiếp với nguồn điện
77	Lái xe cầu sửa chữa điện	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của nóng, bụi, ồn, căng thẳng thần kinh tâm lý
78	Thí nghiệm hóa dầu máy biến áp	Thường xuyên tiếp xúc với dầu mỡ, các hóa chất độc, ồn và bụi
79	Vận hành nhà máy điện mặt trời	Thường xuyên kiểm tra, thao tác xử lý sự cố tại nơi nguy hiểm có điện áp cao hoặc trên mặt hồ, mái nhà tại trạm phân phối ngoài trời
80	Khảo sát, thi công lắp đặt và sửa chữa hệ thống năng lượng mặt trời	Công việc nguy hiểm, thường xuyên làm việc trên cao, căng thẳng thần kinh tâm lý
81	Trục ca vận hành, điều hành và xử lý sự cố hệ thống viễn thông điện lực	Công việc căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của tiếng ồn và từ trường
82	Điện thoại viên các trung tâm chăm sóc khách hàng điện lực	Công việc căng thẳng thần kinh tâm lý
83	Xây lắp, sửa chữa cột, đường dây và thiết bị trạm biến áp có cấp điện áp dưới 110 KV	Làm việc trên cao, công việc nặng nhọc, tư thế gò bó, đòi hỏi thể lực, thường xuyên làm việc ngoài trời trong môi trường nắng nóng, nguy hiểm

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
84	Trực ca vận hành và xử lý sự cố hệ thống công nghệ thông tin điện lực	Thường xuyên phải làm việc trong phòng trực, phòng máy, di chuyển địa bàn các tỉnh để ứng cứu sự cố, các hệ thống ngoài trời hoặc trong khoảng không gian hạn chế.
84	Xây dựng và phát triển phần mềm dùng chung trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam	Thường xuyên làm việc với máy vi tính trong suốt ca làm việc, tiếp nhận thông tin từ khách hàng qua điện thoại và tư vấn, trả lời, hướng dẫn.
85	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng mạng cáp quang điện lực	Làm việc tiếp xúc với điện và điện từ trường, tư thế gò bó
86	Vận hành hóa trong các nhà máy nhiệt điện (xử lý nước, xử lý nước lò, xử lý nước thải)	Làm việc trong phòng thí nghiệm, trong nhà xưởng và ngoài trời, làm việc trên cao. Trong khi làm việc tiếp xúc với các hóa chất, như keo tụ, kiềm, axit và tiếng ồn cao.

VII. THÔNG TIN LIÊN LẠC, BUỒI CHÍNH VIÊN THÔNG

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
Điều kiện lao động loại VI		
1	Xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng cột cao ăng ten (từ 50m trở lên)	Công việc nặng nhọc, khi làm việc trên cao rất nguy hiểm và khi sửa chữa, bảo dưỡng chịu tác động của điện từ trường cao tần và siêu cao tần.
2	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị thông tin trên cột cao ăng ten (từ 50 m trở lên).	Công việc nặng nhọc; thường xuyên phải làm việc trên cao rất nguy hiểm; tư thế làm việc gò bó và khi sửa chữa, bảo dưỡng chịu tác động của điện từ trường cao tần và siêu cao tần.
Điều kiện lao động loại V		
1	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị thông tin vệ tinh (đài hoa sen)	Thường xuyên tiếp xúc với điện từ trường siêu cao tần vượt tiêu chuẩn cho phép

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
2	Xây lắp, bảo dưỡng, sửa chữa cấp ngầm	Công việc thủ công, nặng nhọc, vị trí làm việc chật hẹp, thiếu đường khí; khi sửa chữa, bảo dưỡng bản thủ, hôi thối.
3	Giao thông viên vùng cao	Công việc vất vả, nặng nhọc, phải đi lại nhiều qua các vùng núi cao, nhiều dốc không kể mưa nắng.
4	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị vi ba ở các trạm trên núi cao, rừng sâu	Giải quyết nhiều công việc phức tạp, không có khả năng ứng cứu, ảnh hưởng của điện từ trường
Điều kiện lao động loại IV		
1	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị vi ba ở các trạm trên núi	Thường xuyên chịu tác động của điện từ trường và giải quyết nhiều công việc phức tạp
2	Giao thông viên trung du, miền núi và đồng bằng (đường thu dài từ 45km trở lên)	Đi bộ và đạp xe, chịu tác động của mưa, nắng, gió, công việc nặng nhọc.
3	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy thu, phát công suất từ 1KW trở lên	Thường xuyên chịu tác động của điện từ trường vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
4	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị thông tin vệ tinh (đài intelsat)	Thường xuyên làm việc trong môi trường có điện từ trường vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
5	Khai thác, phát hành báo chí tại Trung tâm (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh)	Chuyên làm về đêm, công việc nặng nhọc, tiếp xúc bụi và ồn rất cao
6	Khai thác, phát hành bưu chính	Công việc thủ công, nặng nhọc, ảnh hưởng của bụi
7	Bảo quản cấp phát tem chơi, tem lưu trữ (sử dụng asen để bảo quản)	Thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc mạnh như asen và CO ₂
13	Đục tem bằng máy HKA 5/68 (sản xuất tại Đức)	Tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của tiếng ồn cao vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
8	Khai thác điện thoại (điện thoại viên cấp I, cấp II)	Thường xuyên tiếp xúc với màn hình, căng thẳng thần kinh, tâm lý

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
9	Khai thác phi thoại (điện thoại viên cấp I, cấp II)	Thường xuyên tiếp xúc với màn hình, căng thẳng thần kinh, tâm lý
10	Điện toán (truyền dẫn số liệu, quản lý danh bạ điện thoại, xử lý phần mềm và lập trình)	Thường xuyên tiếp xúc với màn hình, căng thẳng thần kinh, tâm lý
11	Sản xuất ống cáp nhựa thông tin.	Thường xuyên tiếp xúc với nóng, hơi, khí và bụi độc.
12	Chặt, uốn, hàn sắt làm cốt bê tông, cấu kiện thông tin.	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với ồn, bụi, ảnh hưởng của khí hàn, tia hồ quang.
13	Trộn, đổ bê tông sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn các cấu kiện thông tin bằng phương pháp bán thủ công.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, rất nặng nhọc, tiếp xúc với ồn, bụi, thường xuyên lưu động theo các công trình.
14	Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị truyền dẫn trên tuyến và mạng điện thoại nội hạt	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó.
15	Trực tiếp chỉ đạo xây dựng cột cao ăngten.	Thường xuyên làm việc ngoài trời, chịu tác động của mưa, nắng, bụi, căng thẳng thần kinh tâm lý.
16	Sửa chữa thiết bị đầu cuối thuê bao (điện thoại, Fax, máy nhắn tin...)	Nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất.
17	Tuần tra bảo vệ các tuyến cáp quang	Làm việc ngoài trời, thường xuyên phải đi tuần tra không kể ngày đêm, mưa, nắng.
18	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các tuyến cáp quang	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên làm việc ngoài trời không kể ngày đêm, mưa, nắng.
19	Chuyên khảo sát, đo đạc và lắp đặt các công trình thông tin	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của điện từ trường.
20	Vận hành khai thác, sửa chữa, bảo dưỡng các tổng đài cửa quốc tế, tổng đài có dung lượng từ 10.000 số trở lên, các đài, trạm thông tin vệ tinh mặt đất, các trung tâm công nghệ, kỹ thuật cao và cáp biển	Công việc đơn điệu, thường xuyên chịu tác động của điện từ trường.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
21	Hộ tống viên kiểm lái xe ô tô bưu chính có trọng tải từ 3,5 tấn trở lên hoặc trên các tuyến đường thư thuộc mạng cấp II ở các tỉnh miền núi	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên chịu tác động của rung và xóc.
22	Hộ tống bưu chính trên phương tiện tàu hỏa tuyến Bắc - Nam	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi, rung, xóc.
23	Lắp đặt, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị thông tin tại các trạm thông tin bố trí dọc theo tuyến đường dây 500 KV.	Thường xuyên lưu động trên các địa hình đồi núi, tiếp xúc với vi khí hậu, điện từ trường vượt tiêu chuẩn cho phép.
24	Kiểm soát, thu đo tần số, máy phát vô tuyến điện.	Thường xuyên lưu động, làm việc ngoài trời, trên cao, tư thế lao động gò bó; căng thẳng thần kinh.
25	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cáp quang và máy hàn nối cáp quang.	Thường xuyên lưu động, làm việc ngoài trời, tiếp xúc với tia laser.
26	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị VSAT, thiết bị thuê kênh riêng.	Làm việc nơi núi cao, hải đảo..., tiếp xúc với vi khí hậu xấu, điện từ trường.
27	Nhập và đối soát số liệu chuyển tiền bằng máy vi tính.	Công việc đơn điệu, cường độ lao động cao, căng thẳng thị lực, tâm lý.
28	Vận chuyển bưu điện (bưu tá) tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.	Làm việc ngoài trời, thường xuyên đi lại trên đường có mật độ giao thông cao, nguy hiểm; chịu ảnh hưởng của vi khí hậu, tiếng ồn và bụi.
29	Pha chế a xít, phóng nạp ắc quy.	Thường xuyên tiếp xúc với hơi, bụi chì; a-xít (H ₂ SO ₄) nồng độ cao.
30	Công nhân vận hành thiết bị Datapost	Tiếp xúc với ồn, hơi khí độc, căng thẳng thần kinh, tâm lý
31	Nhân viên thu gom	Tiếp xúc tiếng ồn, bụi, công việc nặng nhọc

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
32	Bưu tá	Làm việc ngoài trời, thường xuyên đi lại trên đường có mật độ giao thông cao, nguy hiểm; chịu ảnh hưởng của vi khí hậu, tiếng ồn và bụi
33	Lái xe bus chính	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên chịu tác động của rung và xóc.

VIII. SẢN XUẤT XI MĂNG

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại VI	
1	Đóng bao xi măng bằng 4 vòi bán tự động	Công việc rất nặng nhọc, nóng, tư thế làm việc rất gò bó, chịu tác động của ồn, bụi vượt tiêu chuẩn cho phép rất nhiều lần
	Điều kiện lao động loại V	
1	Đóng bao xi măng bằng máy quay tròn tự động	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với nóng và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép rất nhiều lần
2	Vận hành máy đập hàm, máy đập búa	Tiếp xúc với tiếng ồn cao và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép rất nhiều lần
3	Xúc clinker găm lò nung	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, nơi làm việc rất nóng, ồn, nồng độ bụi rất cao
4	Quay van nóc lò	Làm việc trên sàn cao, rất nóng, bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.
5	Vận hành lò nung luyện clinker (lò đứng)	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của nóng, bụi và hơi khí độc.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
6	Đóng bao xi măng thủ công	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với nóng, bụi nồng độ rất cao.
7	Cào, rửa gầm máy nghiền bùn.	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của tiếng ồn, thường xuyên ngâm mình dưới nước bẩn.
8	Pha, bổ đá học	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, rất nặng nhọc.
Điều kiện lao động loại IV		
1	Vận hành cầu trục, cầu rải kho nguyên liệu	Tiếp xúc thường xuyên với ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép rất nhiều lần
2	Vận hành băng cân định lượng clinker	Đi lại nhiều, ảnh hưởng của ồn, nồng độ bụi rất cao
3	Vận hành thiết bị lọc bụi điện lọc bụi tay áo, vít tải bụi	Làm việc trên sân cao, đi lại nhiều, ảnh hưởng của ồn, nồng độ bụi rất cao
4	Pha khoáng máy nghiền bùn	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của bụi và ồn rất cao
5	Bôi trơn lò nung clinker	Đi lại nhiều, ảnh hưởng của ồn, nồng độ bụi rất cao
6	Vận hành lò nung clinker tự động (có phòng điều khiển trung tâm)	Phải đi lại nhiều, ảnh hưởng của nhiệt độ cao và bụi
7	Vận hành van cửa tháo	Nơi làm việc chật hẹp, nóng và bụi rất cao, tư thế gò bó
8	Đập clinker thủ công	Công việc nặng nhọc, đi lại nhiều, ảnh hưởng của ồn và bụi.
9	Vận hành băng tải xi, bunker xi, đất, đá	Đi lại nhiều, ảnh hưởng của ồn, nồng độ bụi rất cao
10	Ra, vào bi đạn	Công việc nặng nhọc, bụi và ồn rất cao
11	Vận hành và chấm đầu máy nghiền bùn	Nơi làm việc bẩn, ẩm ướt, đi lại nhiều, chịu tác động của ồn cao
12	Vận hành buồng đốt	Tiếp xúc với nóng, ồn cao và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
13	Bơm buồng	Tiếp xúc với nóng, ồn cao và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
14	Vận hành máy nghiền nguyên liệu sản xuất xi măng	Ảnh hưởng của nóng, bụi và ồn rất cao
15	Vận hành băng tải xích vận chuyển clinker	Đi lại nhiều, tiếp xúc với ồn cao và nồng độ bụi rất cao
16	Vận hành gầu nâng	Đi lại nhiều, tiếp xúc với ồn cao và nồng độ bụi rất cao
17	Vận hành băng tải cao su vận chuyển clinker	Tiếp xúc với ồn cao và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép rất nhiều lần
18	Vận hành bơm fule	Tiếp xúc với ồn cao và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
19	Đốt lửa máy sấy nhà than	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng, bụi và CO ₂
20	Vệ sinh công nghiệp đầu lò nung.	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu ảnh hưởng của nóng, bụi nhiều.
21	Vận chuyển xi măng bằng xe cày.	Lao động thủ công, nặng nhọc, nóng, bụi.
22	Bóc dỡ xi than, thạch cao.	Công việc thủ công, nặng nhọc, làm việc ngoài trời, bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.
23	Gia công nguyên liệu sản xuất xi măng lò đứng (đập, xay, nghiền đá bán thủ công).	Công việc thủ công, nặng nhọc, làm việc ngoài trời, bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.
24	Sửa chữa các thiết bị sản xuất xi măng trong các phân xưởng sản xuất chính.	Công việc nặng nhọc, tư thế làm việc gò bó, nóng, bụi nhiều.
25	Vệ sinh công nghiệp trong các phân xưởng sản xuất chính.	Công việc thủ công, nặng nhọc, tư thế làm việc gò bó, ồn, bụi nhiều.
26	Vệ viên clinker trong sản xuất xi măng lò đứng.	Công việc thủ công nặng nhọc, môi trường làm việc nóng, bụi.
27	Vận hành lò quay nung clinker.	Làm việc trong điều kiện nóng, bụi, ồn.
28	Vận hành máy xúc clinker trong kho.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn và bụi nhiều.
29	Vận hành các xyclon trao đổi nhiệt.	Công việc thủ công, nặng nhọc, nóng, bụi.
30	Chọc xylo xi măng.	Công việc thủ công, nặng nhọc, bụi, ồn.

IX. SÀNH SỬ, THỦY TINH, NHỰA TẠP PHẨM, GIẤY, GỖ

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
		Điều kiện lao động loại V
1	Pha trộn hóa chất làm mút xốp PU bằng thủ công và bán thủ công.	Công việc nặng nhọc, độc hại, thường xuyên phải tiếp xúc với hóa chất độc gây thương tổn cho hệ thống thần kinh như: Toluene, Toluene dicocyanate, polylen gucol; NH ₃
2	Vận hành máy nghiền đá thạch anh	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của bụi và ồn lớn
3	Mạ ruột phích	Công việc nặng nhọc, độc hại, phải đi lại nhiều, ảnh hưởng của nóng và chất độc. NH ₃ nồng độ cao.
4	Thổi thủy tinh bằng miệng	Công việc nặng nhọc, độc hại, nóng
5	Pha chế mực viết	Công việc thủ công, thường xuyên tiếp xúc với Asen
6	Nấu men	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm thường xuyên chịu tác động của bức xạ nhiệt rất cao và hơi khí độc.
		Điều kiện lao động loại IV
1	Vít đáy ruột phích	Công việc nặng nhọc, phải tiếp xúc với nhiệt độ cao, tiếng ồn lớn
2	Vận hành, sửa chữa lò tròn nung sứ	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của nóng, bụi và khí CO ₂
3	Chuyển, xếp bao ra vào lò tròn	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao và CO ₂
4	Sản xuất loa trụ bóng đèn; cắt cổ bóng đèn; vít miệng bóng đèn; vít miệng ruột phích; cắt cổ và cắt đáy ruột phích; rút khí chân không bóng đèn, phích nước	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, gò bó, luôn phải tiếp xúc với nhiệt độ cao, CO ₂ và ồn trong suốt ca làm việc
5	Nấu thủy tinh	Công việc nặng nhọc, rất nóng và bụi
6	Khèu, cắt thủy tinh; giữ khuôn thổi bình, phích; chạy bình, phích và phụ kéo ống	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, CO ₂

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
7	Vận hành lò sản xuất ga (khí than)	Công việc thủ công, nặng nhọc, ảnh hưởng của nóng, bụi, CO và CO ₂
8	Vận hành máy nghiền, xào thạch cao	Công việc thủ công, nặng nhọc, ảnh hưởng bụi và ồn.
9	Sấy khuôn thạch cao	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng nóng, bụi và CO ₂
10	Nung men	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với nhiệt độ cao, bụi SiO ₂ và ăngtimoan
11	Phun hoa	Công việc đơn điệu, chịu tác động của các hóa chất trong sơn và bụi
12	Rửa trắng nhôm, khử dầu, tẩy bản sản phẩm nhôm bằng axit	Công việc thủ công, nặng nhọc và độc hại do phải tiếp xúc với hóa chất độc
13	Nấu, tẩy rửa bột giấy bằng clo	Luôn tiếp xúc với hóa chất độc mạnh vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
14	Pha trộn, nghiền nguyên liệu thủy tinh	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc thường xuyên với bụi có hàm lượng SiO ₂ cao
15	Đốt lò nung men	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng, bụi.
16	Pha trộn bột men thủ công	Công việc thủ công, thường xuyên tiếp xúc với bụi độc nồng độ cao.
17	Sản xuất keo để gắn các sản phẩm nhựa PVC	Công việc độc hại, thường xuyên tiếp xúc với dung môi hữu cơ.
18	Vận hành máy xẻ ống nhựa PVC	Tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với bụi nồng độ cao.
19	Vận hành máy xay, nghiền, trộn, cán, đùn, ép nhựa PVC, PE	Công việc độc hại, thường xuyên tiếp xúc với bụi, hơi và khí độc.
20	Viên mép sản phẩm sắt tráng men	Công việc đơn điệu, tư thế lao động gò bó, làm việc trong môi trường nóng.
21	Tráng men thủ công	Công việc thủ công, nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với nóng.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
22	Cán nhôm lạnh	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của tiếng ồn cao.
23	Hấp, ủ nhôm	Công việc nặng nhọc, thường xuyên làm việc trong môi trường nóng, bụi.
24	Căng sấy da, ty da	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với vi sinh vật gây bệnh.
25	Hấp da chân không	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với nóng.
26	Mài nhẵn mặt da, lạng da.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, tiếp xúc với bụi nồng độ cao.
27	Vận hành máy gò giấy.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, tiếp xúc với ồn và nhiệt độ cao.
28	Sơn, in da và pha chế hóa chất để sơn, in da	Công việc độc hại, thường xuyên tiếp xúc với dung môi hữu cơ.
29	Phết keo đế và mũ giày.	Công việc thủ công, rất độc hại, thường xuyên tiếp xúc với dung môi hữu cơ.
30	Vệ sinh công nghiệp nhà máy thuộc da	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc và vi khuẩn gây bệnh.
31	Hấp lưu hóa giày, dép cao su	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên làm việc trong môi trường nhiệt độ cao.
32	Cán, luyện cao su trong sản xuất giày dép	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, ồn, bụi, khí độc SO ₂ và H ₂ S
33	Sàng, sấy hóa chất phối liệu cao su	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
34	Hóa nghiệm, phân tích chất lượng hóa chất, các sản phẩm trong sản xuất giấy	Thường xuyên tiếp xúc với các loại hóa chất độc như: HCl, H ₂ SO ₄ , HNO ₃ , HF, CH ₃ COOH...
35	Bảo quản bê gỗ trên sông	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên làm việc ngoài trời, chịu tác động của các vi sinh vật gây bệnh.
36	Bảo quản, ngâm, vớt gỗ trong hồ	Công việc thủ công, nặng nhọc, tiếp xúc với nước bẩn có nhiều vi sinh vật gây bệnh.
37	Vận hành máy cưa, xẻ gỗ làm diêm	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, chịu tác động của tiếng ồn cao.
38	Làm sạch gỗ ngâm.	Công việc thủ công, nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, tư thế lao động gò bó.
39	Vận hành máy bào, chặt, sấy, sàng, chọn que diêm	Thường xuyên tiếp xúc với ồn và bụi nồng độ cao.
40	Pha chế axit, H ₃ PO ₄ để tẩm que diêm và thuốc mặt phán	Tư thế làm việc gò bó, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc.
41	Vận hành máy khuấy, chám hóa chất đầu que diêm.	Công việc nặng nhọc, Thường xuyên tiếp xúc với tiếng ồn và hóa chất độc.
42	Vận hành máy sắp que diêm mộc	Chịu tác động của tiếng ồn cao, bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.
43	Sấy que diêm thuốc và diêm phán.	Công việc bán thủ công, nặng nhọc, làm việc trong môi trường nóng và độc.
44	Vận hành máy xay, nghiền, tán muối KCl ₂ O ₃	Tiếp xúc với hóa chất dễ cháy nổ, ồn và bụi.
45	Tinh chế muối KCl ₂ O ₃	Thường xuyên tiếp xúc với hóa chất dễ cháy, nổ, bụi.
46	Vận hành máy quét mặt phán	Công việc bán thủ công, đơn điệu, tiếp xúc với hóa chất độc.

X. DA GIẦY, DỆT MAY

TT	Tên nghề hoặc công việc	Điều kiện lao động loại IV	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
1	Xi Formon vào da sơn xì da		Làm việc trong buồng kín, tiếp xúc với hóa chất có nồng độ cao
2	Thuộc da bằng tanin và crôm		Công việc thủ công, nặng nhọc, nơi làm việc bẩn thiu, hơi thối có nhiều loại vi khuẩn, nấm gây bệnh và hóa chất độc (crôm)
3	Bảo quản, sơ chế, pha chặt da tươi		Công việc thủ công, nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, bẩn thiu, hơi thối, tỷ lệ nám và vi khuẩn gây bệnh rất cao
4	Dán da bằng còng làm gông, đai		Công việc thủ công, tiếp xúc với hóa chất độc, vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
5	Đứng máy kéo sợi con		Khi làm việc đi lại nhiều, ảnh hưởng của bụi, nóng và ồn cao
6	Đứng máy dệt thoi		Đi lại nhiều, ảnh hưởng của bụi bông, nóng và ồn cao
7	Vận hành máy cung bông và máy chải cúi.		Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng, ồn.
8	Vận hành dây chuyền sợi.		Đứng và đi lại suốt ca làm việc, chịu tác động nóng, bụi và ồn.
9	Vệ sinh máy chải, dây chuyền sợi, dệt, nhuộm.		Công việc thủ công, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng, bụi, dầu mỡ.
10	Đổ sợi cho máy sợi con, máy se.		Phải đi lại nhiều, công việc đơn điệu, nhịp độ lao động cao, chịu tác động của ồn, bụi.
11	Vận hành máy hồ sợi dệt.		Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của nóng, ồn.
12	Vận hành máy dệt kiểm.		Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng, ồn và bụi.
13	Vận hành máy sấy văng, máy sấy cuộn vải.		Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng, ồn và các hóa chất độc.
14	Vận hành máy đốt lông, nấu tẩy vải bằng NaOH, Cl ₂ .		Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của hóa chất độc.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
15	Vận chuyển kiện bông, kiện vải, trực sợi, trực vải, hóa chất, thuốc nhuộm.	Công việc thủ công rất nặng nhọc, chịu tác động của bụi, hóa chất độc.
16	Vận hành máy giặt, nhuộm liên hợp.	Chịu tác động của nóng, ồn và hóa chất độc.
17	Vận hành máy in hoa trên trực, trên lưới.	Chịu tác động của nóng, ồn và hóa chất độc.
18	Vận hành máy cào lông.	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng, ồn và bụi nồng độ rất cao.
19	Nhuộm, hấp len, sợi tổng hợp.	Chịu tác động của nóng và các hóa chất tẩy, nhuộm.
20	Dệt len thủ công.	Công việc nặng nhọc, đơn điệu, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của bụi.
21	Giặt, tẩy, mài quần bò.	Chịu tác động của nóng, bụi và hóa chất độc.
22	Vận hành máy may công nghiệp.	Tư thế lao động gò bó, công việc đơn điệu, căng thẳng thị giác và mệt mỏi thần kinh tâm lý.
23	Sửa chữa máy sợi, dệt, nhuộm tại phân xưởng.	Tư thế lao động gò bó, tiếp xúc với dầu mỡ, chịu tác động của nóng, ồn, bụi và hóa chất độc.
24	Đúc chì chân kim.	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng và hơi chì.
25	Mài ống côn giấy.	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn và bụi nồng độ rất cao.
26	Vận hành, cấp nguyên liệu cho máy tách hạt, máy cán bông.	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của tiếng ồn và bụi bông vượt tiêu chuẩn cho phép.
27	Đóng hạt thủ công.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi bông, nóng và ồn.
28	Vận hành máy ép đóng kiện bông.	Đứng và đi lại suốt ca làm việc, chịu tác động của bụi bông và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
29	Bóc bông hồi lại trong dây chuyền sợi, dệt.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi bông và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
30	Vận hành máy suốt, bóc suốt, bỏ suốt (tiếp suốt).	Đứng và đi lại suốt ca làm việc, công việc đơn điệu, nhịp điệu lao động cao; chịu tác động của bụi bông, nóng và ồn vượt quá tiêu chuẩn cho phép.
31	Vận hành máy cửi, mắc sợi.	Công việc đơn điệu, tập trung thị giác cao; chịu tác động của bụi bông, nóng và ồn.
32	Xe sợi len.	Chịu tác động của bụi bông và tiếng ồn.
33	Tĩa, sửa thảm len.	Công việc tỉ mỉ, tập trung thị giác cao, chịu tác động của bụi.
34	Vận hành máy đảo sợi, xe con sợi.	Đứng và đi lại nhiều, chịu tác động của bụi bông và tiếng ồn.
35	Đổ sợi cho máy thò.	Phải đi lại suốt ca, công việc đơn điệu, nhịp độ lao động cao, chịu tác động của bụi bông, nóng và tiếng ồn cao.
36	Bóc sợi máy ống.	Đứng và đi lại suốt ca, chịu tác động của bụi bông, nóng và ồn cao.
37	Vận hành máy dệt khí, dệt nước.	Đứng và đi lại nhiều, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của bụi bông và nóng.
38	Vận hành máy dệt kim tròn.	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của bụi bông và nóng.
39	Nối gở, nối trục máy dệt.	Đứng và đi lại suốt ca làm việc, chịu tác động của bụi bông, nóng và ồn cao.
40	Vận hành máy mắc, máy hồ vải, sợi trong dây chuyên dệt.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi bông, nóng và ồn cao.
41	Xâu go trong dây chuyên dệt.	Công việc thủ công, đơn điệu, tập trung thị giác cao, chịu tác động của bụi bông và nóng.
42	Châm dầu máy dệt, máy se, máy hồ.	Công việc thủ công, tư thế lao động gò bó, tiếp xúc với dầu, mỡ; chịu tác động của bụi bông, nóng, ồn.
43	Nấu hồ trong dây chuyên dệt, nhuộm.	Công việc nặng nhọc; chịu tác động của nóng, ồn, ẩm và hơi hóa chất.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
44	Vận hành máy phòng co vải (Sanfor) trong dây chuyền nhuộm.	Chịu tác động của nhiệt độ cao và hơi hóa chất.
45	Vận hành máy làm bóng vải trong dây chuyền nhuộm.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nhiệt độ, hóa chất thuốc nhuộm.
46	Làm trục hoa lưới trong công đoạn nhuộm.	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của hơi hóa chất và bụi.
47	May khuyết, cúc (khuy nút) trong may công nghiệp.	Công việc đơn điệu, căng thẳng thị giác và mệt mỏi thần kinh; chịu tác động của nóng và bụi.
48	Vận hành máy thổi form trong dây chuyền may.	Đứng và đi lại suốt ca làm việc, chịu tác động của hơi nóng, ẩm.
49	Cắt vải trong công nghệ may.	Đứng suốt ca làm việc, căng thẳng thị giác và mệt mỏi thần kinh; chịu tác động của hơi nóng và bụi bông.
50	Vận chuyển vải, sợi trong kho nguyên liệu, kho sản phẩm và giữa các công đoạn của dây chuyền sợi, dệt, nhuộm, may.	Công việc thủ công nặng nhọc, đứng, đi lại suốt ca làm việc; chịu tác động của bụi bông, nóng và tiếng ồn cao.
51	Kiểm gáp trong dây chuyền dệt, may.	Công việc đơn điệu, căng thẳng thị giác, đứng suốt ca làm việc; chịu tác động của nóng, bụi và mùi hóa chất.
52	Đóng kiện trong dây chuyền dệt, may.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó; chịu tác động của bụi bông, nóng và ồn cao.
53	Vệ sinh công nghiệp trong các nhà máy sợi, dệt, nhuộm, may. Vệ sinh nền xưởng nhuộm, in hoa.	Công việc thủ công, tư thế lao động gò bó, ảnh hưởng của tiếng ồn, nóng, bụi bông, dầu mỡ, hóa chất tẩy rửa và chất thải công nghiệp.
54	Mài, bảo dưỡng suốt da (cao su); thay, tháo, dán dây da.	Thường xuyên tiếp xúc với bụi cao su và dung môi, hóa chất độc.
55	Sửa chữa điện trong dây chuyền nhuộm.	Tư thế lao động gò bó, làm việc trong môi trường ẩm ướt, nóng; tiếp xúc với NH ₃ , hóa chất tẩy, nhuộm.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
56	Sửa chữa, chế tạo lược máy dệt.	Chịu tác động của bụi rì, hơi nhựa đường nóng, keo và hóa chất.
57	Thí nghiệm, phân tích hóa chất, thuốc nhuộm.	Thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc hại; nhiệt độ, độ ẩm cao.
58	Vận hành hệ thống điều không	Công việc nặng nhọc, nồng độ bụi bông và tiếng ồn cao

XI. NÔNG NGHIỆP VÀ LÂM NGHIỆP (BAO GỒM TRỒNG TRỌT, KHAI THÁC, CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM SẢN, CHĂN NUÔI - CHẾ BIẾN GIA SÚC, GIA CẢM)

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
		Điều kiện lao động loại V
1	Sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.	Tiếp xúc thường xuyên với nhiều loại hóa chất độc nguy hiểm như Wofatox, Bassa, Axeton, Ether
2	Vận chuyển, bốc vác hóa chất bảo vệ thực vật.	Công việc thủ công, nặng nhọc, tiếp xúc với các hóa chất độc nguy hiểm như Wofatox, Bi 58, Bassa, Axeton, Ether...
3	Cấp lông vũ vào máy	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với bụi có nhiều nấm và vi sinh vật gây bệnh
4	Phun thuốc bảo vệ thực vật.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, độc hại, tiếp xúc với hóa chất bảo vệ thực vật vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.
5	Chăm sóc ngựa đực giống.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên tiếp xúc với phân, rác và các vi sinh vật gây bệnh.
6	Chặt hạ gỗ bằng cơ giới.	Lao động ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của rung, ồn và bụi.
7	Chặt hạ thủ công (gỗ, song, mây, tre nứa)	Lao động ngoài trời, công việc thủ công, rất nặng nhọc, nguy hiểm.
8	Cưa, xẻ gỗ tại cội bằng thủ công.	Lao động ngoài trời, công việc thủ công, rất nặng nhọc, tư thế lao động gò bó.
9	Lăn gom gỗ, bóc xếp gỗ thủ công.	Lao động ngoài trời, công việc thủ công, rất nặng nhọc, nguy hiểm.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
10	Vận xuất gỗ bằng voi, trâu từ rừng ra bãi một	Làm việc ngoài trời, ở các địa hình đồi, núi dốc, công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
11	Đóng cốn, xuôi bè mảng trên sông, suối.	Làm việc ngoài trời trên sông, suối, công việc thủ công, nặng nhọc, rất nguy hiểm.
12	Nấu keo phenol, urefoc.	Chịu tác động của nóng và các hóa chất độc mạnh.
13	Sản xuất thuốc chống mối, mọt.	Lao động thủ công, tiếp xúc với hóa chất độc mạnh như DDT, Asen...
14	Ngâm tẩm gỗ phòng chống mối, mọt bằng hóa chất.	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động động của các hóa chất độc mạnh như Asen, DDT, 666, focmon...
15	Lái xe vận tải chuyên dùng, có trọng tải từ 10 tấn trở lên chờ gỗ từ bãi I ra bãi II.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung và bụi.
16	Khai thác nhựa thông.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, rất nặng nhọc, nguy hiểm.
17	Điều tra quy hoạch ở vùng núi cao, rừng sâu và hải đảo.	Chuyên đi lưu động trên các địa hình hiểm trở, công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
18	Khoan tay thăm dò khai thác nước ngầm	Công việc thủ công nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, nơi làm việc lầy lội bẩn thỉu. Đi làm lưu động tại các vùng rừng núi, hải đảo.
19	Khảo sát đo địa vật lý thăm dò khai thác nước ngầm	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, luôn lưu động ở vùng núi cao, rừng sâu, hải đảo.
20	Công nhân xây lát đá thủy lợi (kể cả làm rông đá)	Công việc ngoài trời, lao động thủ công, nặng nhọc; tư thế lao động gò bó, nguy hiểm; ảnh hưởng của bụi vôi, xi măng, cát...
21	Thực tiếp kiểm tra, giám định cà phê và nông sản xuất nhập khẩu tại các vùng núi sâu, xa và trên tàu biển.	Công việc lưu động, liên tục căng thẳng; ảnh hưởng khí hậu khác nghiệt và thay đổi thất thường của vùng; môi trường lao động: nóng, bụi, ồn và liên tục phải hít ngửi vi sinh vật nấm mốc, gây bệnh.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
22	Thủ ném, cầm quan chất lượng cà phê và hàng hóa nông sản xuất khẩu từ 400 cốc/ngày trở lên.	Cường độ thử ném cao, ảnh hưởng trực tiếp hàm lượng caphein cao và các tạp chất lẫn trong cà phê như nấm mốc, vi khuẩn gây bệnh.
23	Kiểm dịch thực vật và khử trùng hàng hóa nông, lâm sản xuất nhập khẩu trên tàu biển, xà lan, trong Xilo.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm do treo cao, mang vác nặng trong điều kiện có sóng, gió biển; ảnh hưởng trực tiếp các loại hóa chất để khử trùng: PH ₃ , CH ₃ Br; làm việc ngoài trời hoặc trong hầm tàu, nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó, thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí.
24	Làm việc trong hầm men bia lạnh	Nhiệt độ thấp, ẩm; Chịu ảnh hưởng của khí amoniac (NH ₃) và các bonic (CO ₂)
25	Phun cát tẩy gỉ để mạ kẽm	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng bụi, rung, ồn trong suốt ca làm việc.
Điều kiện lao động loại IV		
1	Kiểm định thực vật và khử trùng	- Nặng nhọc, độc hại, chịu tác động của hóa chất độc PH ₃ , BrCH ₃
2	Kiểm định dư lượng hóa chất trong lương thực, thực phẩm, rau quả và chất lượng hóa chất bảo vệ thực vật	Thường xuyên tiếp xúc với các hóa chất độc nguy hiểm như: ASen, Toluene, axeton, Ether, Bi58...
3	Giao nhận, sang mạn thuốc bảo vệ thực vật trên tàu biển, tàu sông và các bến cảng.	Ảnh hưởng của sóng nước và các hóa chất độc: axeton, Ether, Wofatox, Bi58
4	Thủ kho thuốc bảo vệ thực vật	- Nơi làm việc kém thông thoáng, chịu ảnh hưởng của hóa chất độc Wofatox, Bi58, Bassa, axeton, Ether...
5	Vận hành máy sản xuất bao bì bằng chất dẻo (bán thủ công).	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của hơi độc, ồn trong suốt ca làm việc.
6	Thủ kho phân hóa học	Nơi làm việc chật hẹp, kém thông thoáng, chịu tác động của CO ₂ , NH ₃
7	Bốc xếp vận chuyển phân hóa học.	Công việc thủ công, nặng nhọc, tiếp xúc với CO ₂ , NH ₃ .

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
8	Cơ chế thử công phân lân vi sinh.	Công việc thủ công nặng nhọc, bản ảnh hưởng của bụi.
9	Chăm sóc vận động bò đực giống	Thường xuyên tiếp xúc với phân, rác và các vi khuẩn gây bệnh.
10	Vận hành máy nghiền, trộn thức ăn gia súc.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của ồn, bụi nồng độ cao.
11	Chăn nuôi động vật thí nghiệm, xử lý bệnh phẩm, dụng cụ thí nghiệm.	Thường xuyên tiếp xúc với nguồn lây bệnh và các hóa chất độc như: Fomol, NaOH, HCl.
12	Nghiên cứu, chẩn đoán, giải phẫu bệnh, xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh cho gia súc, gia cầm.	Thường xuyên tiếp xúc với nguồn lây bệnh và các hóa chất độc như: Formol, CO ₂ , Ether, axit fenic.
13	Kiểm nghiệm sản xuất vaccine, thuốc thú y.	Tiếp xúc thường xuyên với các vi khuẩn gây bệnh hiểm nghèo và các hóa chất độc: Ether, axeton, HCl.
14	Nghiên cứu thí nghiệm công nghệ gen và tế bào các loại cây trồng.	Luôn tiếp xúc với các hóa chất mạnh gây đột biến tế bào như Cochandin, IAA.
15	Sơ chế lông vũ	Công việc nặng nhọc, bản tiếp xúc với nhiều bụi chứa vi khuẩn nấm và sinh vật gây bệnh.
16	Giết mổ lợn	Chuyên làm đêm, công việc nặng nhọc, nơi làm việc ẩm ướt.
17	Nhặt phân loại, vận chuyển xương động vật	Công việc nặng nhọc, bản thiu, hôi thối, tiếp xúc với nhiều vi khuẩn, nấm gây bệnh và khí H ₂ S
18	Chế biến xương động vật	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc bản, hôi thối, tiếp xúc với bụi, ồn và H ₂ S
19	Khuôn vác, dập khuôn trong kho đông lạnh.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc rất lạnh, ồn cao và chuyên làm đêm.
20	Đóng gói thịt trong buồng đông lạnh	Nơi làm việc rất lạnh, công việc nặng nhọc, đơn điệu ảnh hưởng tiếng ồn cao, chuyên làm đêm.
21	Vận hành sửa chữa máy lạnh và hệ thống cấp lạnh	Nơi làm việc chật hẹp, lạnh, ảnh hưởng của tiếng ồn cao và NH ₃ .
22	Lái máy nông nghiệp	Tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của ồn, rung và bụi.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
23	Khai hoang, làm đất, trồng, chăm sóc cây rừng và cây công nghiệp.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của bụi và các vi sinh vật gây bệnh.
24	Tuần tra và bảo vệ sản phẩm nông, lâm nghiệp chưa thu hoạch.	Làm việc ngoài trời, phải đi lại trong suốt ca làm việc, không kể ngày đêm và thời tiết, tiếp xúc với các vi sinh vật gây bệnh.
25	Thu hoạch sản phẩm nông, lâm nghiệp.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, tư thế lao động gò bó.
26	Chế biến chè xanh và chè đen.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, bụi và nóng.
27	Cân, trộn và đóng chè vào thùng.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, bụi và nóng.
27	Sản xuất hương liệu chè.	Chịu tác động của nóng, bụi, khí CO, CO2 và các chất gây kích thích niêm mạc mắt, tai, mũi và họng.
29	Cấp nguyên liệu vào máy xay xát bằng thủ công.	Lao động thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của ồn, bụi nồng độ rất cao.
30	Vận chuyển, bốc xếp thóc gạo, bột mì trong nhà máy.	Lao động thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của bụi và ồn.
31	Sàng tạp chất của nguyên liệu xay xát	Chịu tác động của ồn, rung và bụi.
32	Ủ lúa mì.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn và khí CO ₂ .
33	Nghiền bột mì.	Chịu tác động của ồn, rung và bụi.
34	Xay xát và đánh bóng gạo xuất khẩu.	Chịu tác động của ồn cao, bụi, căng thẳng chú ý và mệt mỏi thần kinh tâm lý.
35	Sàng, phân loại, tách màu hạt gạo.	Chịu tác động của rung, bụi và ồn cao.
36	Sản xuất đường glucoza	Nơi làm việc ẩm ướt, chịu tác động của nóng, bụi, ồn cao và các chất hóa học.
37	Rửa thùng đựng đường.	Lao động thủ công ngoài trời, tư thế lao động gò bó, tiếp xúc với hóa chất tẩy dầu mỡ.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
38	Vận chuyển, bốc vác và cào mía.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, tiếp xúc với bụi, bẩn.
39	Vận hành máy cẩu tháp trong nhà máy đường.	Làm việc trên cao, nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn.
40	Vận hành hệ thống xé toí và ép mía.	Chịu tác động của nóng, ồn cao.
41	Bom, cân nước mía, mật chè và gia nhiệt trung hóa, bóc hơi.	Nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn và nhiệt độ cao.
42	Vận hành hệ thống nấu đường, trợ tinh và hồi dung.	Chịu tác động của ồn, nhiệt độ cao, căng thẳng thần kinh tâm lý.
43	Lọc ép, lọc túi và ly tâm đường mía.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng và ồn.
44	Đốt xông lưu huỳnh.	Nơi làm việc chật hẹp, chịu tác động của hơi khí độc và nóng.
45	Vận hành lò hơi và tuốc bin máy phát điện trong nhà máy đường.	Chịu tác động của nhiệt độ cao, ồn, bụi và khí CO ₂ .
46	Nuôi và chăm sóc lợn.	Lao động thủ công, nặng nhọc, nơi làm việc ẩm ướt, hôi thối, tiếp xúc với nấm và vi sinh vật gây bệnh.
47	Chăm sóc, theo dõi sinh lý, sinh sản tâm lý, và thụ tinh nhân tạo cho ngựa giống.	Công việc nặng nhọc, căng thẳng thần kinh thường xuyên tiếp xúc với chất thải của động vật và vi sinh vật gây bệnh.
48	Áp trứng, chọn trứng, mái gia cầm.	Nơi làm việc chật hẹp, ngột ngạt, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng, bụi, tiếp xúc với nấm và vi sinh vật gây bệnh.
49	Chăm sóc, nuôi dưỡng và vệ sinh chuồng trại giống gia cầm	Làm việc trong môi trường bụi, bẩn, hôi thối công việc nặng nhọc, tiếp xúc với nhiều loại nấm và vi sinh vật gây bệnh.
50	Điều tra quy hoạch rừng.	Làm việc ngoài trời, thường xuyên đi lại ở nơi địa hình phức tạp, nhiều đèo, dốc, tiếp xúc với côn trùng và vi sinh vật gây bệnh.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
51	Điều tra, thu hái quả, canh giồng lâm nghiệp.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó.
52	Kiểm lâm viên trực tiếp quản lý và bảo vệ rừng.	Lao động ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, giải quyết nhiều công việc phức tạp, tiếp xúc với công trùng và vi sinh vật gây bệnh
53	Phòng chống cháy rừng.	Lao động thủ công, nặng nhọc, khi chữa cháy rất nguy hiểm, tiếp xúc với nóng, CO ₂ .
54	Vận xuất gỗ bằng cáp, tời (cơ giới) ra bãi I.	Lao động ngoài trời, công việc nặng nhọc, có phần nguy hiểm, tiếp xúc với côn trùng và vi sinh vật gây bệnh.
55	Sản xuất ván dăm, ván sợi gỗ.	Công việc nặng nhọc, độc hại, chịu tác động của ồn, bụi nóng và các hóa chất độc.
56	Sấy, luộc, bảo quản gỗ thủ công.	Lao động thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của nhiệt độ cao
57	Sản xuất cốt ép bán thủ công.	Lao động thủ công, nặng nhọc, tiếp xúc với nóng, khí độc (formaldehyt, phenol).
58	Khai thác cánh kiến	Lao động ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc côn trùng và vi sinh vật gây bệnh.
59	Chế biến nhựa thông; chế biến cánh kiến.	Chịu tác động của nhiệt độ cao và hóa chất độc.
60	Mộc máy.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn và bụi.
61	Nuôi thú rừng trong các vườn quốc gia.	Lao động ngoài trời, công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với chất thải của động vật và vi sinh vật gây bệnh.
62	Sản xuất thuốc vi sinh diệt trừ sâu bệnh.	Chịu tác động của ồn, bụi, hóa chất độc và vi sinh vật gây bệnh.
63	Lái xe vận tải chuyên dùng trọng tải dưới 10T, chở gỗ từ bãi I ra bãi II.	Công việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung và bụi.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
64	Điều tra quy hoạch ở vùng núi cao, rừng sâu và hải đảo.	Chuyên đi lưu động trên các địa hình hiểm trở, công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
65	Sơ chế cà phê (phơi, sát tươi, sát khô, sàng phân loại, đánh bóng, đóng bao hạt).	Công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng bụi, nóng, ồn.
66	Rang, xay cà phê.	Công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng nóng, bụi cà phê (kích thích thân kinh)
67	Tiêu hòa vôi trong quy trình các bon nát hóa (trong sản xuất đường mía)	Lao động thủ công nặng nhọc, tiếp xúc với bụi vôi và vôi sữa (ăn mòn da tay)
68	Sản xuất bột canh thủ công	Công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng nóng, CO, muối, tiêu, hành, tỏi (kích thích niêm mạc đường hô hấp).
69	Vệ sinh công nghiệp trong các xí nghiệp chế biến.	Lao động thủ công, nặng nhọc, tiếp xúc với các chất phế thải.
70	Sản xuất nhân giống, chiếu kính, bảo quản trứng tằm trong nhà lạnh.	Làm việc trong môi trường lạnh, thường giónguyên tiếp xúc với bụi phấn ngải, formon, axit HCl.
71	Nuôi tằm.	Lao động thủ công, tiếp xúc với phân tằm, formon, Bi58, CaCl ₂ (trừ bệnh cho tằm).
72	Ươm tơ	Thường xuyên tiếp xúc với hơi nóng, độ ẩm cao, mùi hôi của nhộng tằm, tay tiếp xúc với nước có protein phân hủy gây dị ứng, căng thẳng thị giác.
73	Làm mềm tơ, lụa.	ảnh hưởng bụi, hóa chất độc, căng thẳng thị giác.
74	In hoa, tẩy nhuộm, hoàn tất lụa.	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với nóng, hóa chất nhuộm, NaOH, dầu (làm mềm tơ).
75	Chế biến phế liệu tơ tằm.	Lao động thủ công, thường xuyên tiếp xúc với bụi phế liệu, hóa chất tẩy, mùi hôi của protein phân hủy.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
76	Vệ sinh công nghiệp trong các nhà máy uơơ tơ, dệt lụa, in nhuộm.	Lao động thủ công, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất, các chất thải công nghiệp.
77	Khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.	Làm việc trong môi trường độc hại, thường xuyên tiếp xúc hóa chất độc nguy hiểm như: asen, toluen, acetone, Bi58, este.
78	Điều tra, phát hiện dự tính, dự báo bảo vệ thực vật.	Làm việc ngoài đồng ruộng, tiếp xúc với các loại hóa chất trừ sâu và côn trùng.
79	Kiểm nghiệm, phân loại, bảo quản hạt giống trong phòng kín.	Chịu ảnh hưởng của nóng ẩm, hóa chất HCl, H ₂ SO ₄ , dithiocarbonat kềm, cacbary, vectroon.
80	Vận hành máy sàng phân loại hạt điều.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của bụi và tiếng ồn cao.
81	Vận hành máy chao dầu hạt điều.	Lao động nặng nhọc, tiếp xúc thường xuyên nóng và dầu.
82	Tách hạt điều thủ công.	Lao động thủ công, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của bụi.
83	Xử lý nước thải bằng phương pháp vi sinh tại các nhà máy chế biến mù cào su.	Làm việc ngoài trời, lặn, ngâm mình dưới nước bẩn, tiếp xúc với hóa chất độc.
84	Vận hành máy in túi PP, PE hữu cơ.	Thường xuyên tiếp xúc với dung môi
85	Vận hành máy khoan thăm dò, khai thác nước ngầm (kể cả lái xe)	Luôn phải lưu động tại vùng rừng núi, hải đảo thiếu nước ngọt, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, ảnh hưởng trực tiếp ồn rung lớn, tư thế lao động gò bó, nơi làm việc bản thiu.
86	Xây lắp đường ống nước, bể nước trên vùng cao.	Lao động nặng nhọc, nguy hiểm và luôn phải đi lưu động vùng rừng núi, hải đảo
87	Chăn nuôi dê, thỏ	Lao động thủ công, nơi làm việc ẩm ướt, hôi thối, luôn phải tiếp xúc với nấm và vi sinh vật gây bệnh.
88	Phân tích, kiểm tra, xử lý, lưu trữ hồ sơ giám định xuất nhập khẩu cà phê và hàng hóa nông sản trên máy vi tính.	Công việc khẩn trương, căng thẳng, đảm bảo nhanh tiến độ giao nhận hàng ngoài cảng; thường xuyên tiếp xúc với màn hình, chịu ảnh hưởng của điện từ trường.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
89	Phân tích, kiểm nghiệm chất lượng cà phê và hàng hóa nông sản xuất nhập khẩu trong phòng thí nghiệm	Thường xuyên tiếp xúc với các loại chất độc hại và các chất dung môi hữu cơ như hexan, toluen, ête etylic, ête petrol... để phân tích các độc tố (nám mốc gây ung thư); xác định các loại sâu mọt, côn trùng.
90	Kiểm dịch thực vật và khử trùng hàng hóa nông, lâm sản xuất nhập khẩu tại các kho tàng bến bãi, container, trên ô tô,	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng trực tiếp các loại hóa chất để khử trùng như Phosphin (PH ₃) methyl bromide (CH ₃ Br) CO ₂ , DDVP. Nơi làm việc chật hẹp, thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí.
91	Luyện, cán cao su để làm lốp ô tô các loại xe nông nghiệp	Công việc nguy hiểm; thường xuyên tiếp xúc với hóa chất nồng độ cao, nóng, bụi.
92	Thanh tra chuyên ngành thuốc bảo vệ thực vật.	Công việc thường xuyên phải đi lưu động, tiếp xúc với các hóa chất độc nguy hiểm như Wofatox, Bi 58, Bassa, Axeton, Ether.
93	Sử dụng, bảo quản thuốc chống mối.	Thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc.

XII. THƯƠNG MẠI

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại V	
1	Đo tính, bảo quản, giao nhận xăng, trong hang hầm.	Nơi làm việc chật hẹp, thiếu ánh sáng, thiếu dầu dưỡng khí, chịu tác động của xăng, dầu vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.
2	Vận hành máy bơm xăng, dầu trong hang hầm.	Nơi làm việc chật hẹp, thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí, chịu tác động của tiếng ồn cao và hơi xăng, dầu.
3	Lắp đặt, sửa chữa các thiết bị và bể xăng, dầu trong hang hầm	Nơi làm việc chật hẹp, thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí, tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của tiếng ồn, xăng và dầu.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
4	Tái sinh, pha chế dầu bằng phương pháp thủ công.	Công việc nặng nhọc, độc hại, chịu tác động của xăng, dầu và các hóa chất độc.
5	Sĩ quan, thuyền viên tàu chở xăng, dầu trên biển.	Chịu tác động của sóng nước, ồn, rung và xăng, dầu.
6	Giao, nhận xăng, dầu trên biển.	Chịu tác động của sóng gió, rung, ồn cao và hơi xăng, dầu vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.
7	Xúc rửa, hàn, tẩy rỉ, sơn các bể xăng, dầu loại lớn.	Làm việc trong thùng kín, tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của xăng, dầu, nóng, ồn, bụi và hóa chất trong sơn.
8	Vận hành máy bơm xăng, dầu có áp lực từ 50kg/cm ² trở lên	Chịu tác động của ồn cao, rung và xăng, dầu nồng độ rất cao.
9	Bơm, rót, đóng bình a xít H ₂ SO ₄ , HCl	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của hóa chất độc mạnh, nguy hiểm
10	Giám định dầu thô ngoài giàn khoan	Làm việc ở ngoài khơi, xa bờ, chịu tác động của sóng, gió, thời tiết khắc nghiệt, trèo cao, công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
11	Vận hành hệ thống sơn, bảo dưỡng và kiểm định chai LPG	Môi trường làm việc nóng, nguy cơ cháy nổ cao; chịu tác động bức xạ nhiệt, tiếng ồn và bụi; tư thế lao động gò bó; mang vật nặng suốt ca làm việc
	Điều kiện lao động loại IV	
1	Giao nhận, bán buôn, bán lẻ xăng, dầu, nhựa đường, các sản phẩm hóa dầu tại cửa hàng, kho, trạm, bến, bãi và trên sông.	Công việc độc hại, tiếp xúc thường xuyên với xăng, dầu và các sản phẩm hóa dầu.
2	Sĩ quan, thuyền viên xà lan, tàu chở xăng, dầu trên sông	Thường xuyên lưu động, chịu tác động của tiếng ồn và xăng, dầu.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
3	Vận hành máy bơm xăng, dầu có áp lực dưới 50 kg/cm ² .	Chịu tác động của tiếng ồn và hơi xăng, dầu.
4	Bảo vệ kho, đường ống xăng, dầu.	Đi lại nhiều, chịu tác động của hơi xăng, dầu.
5	Xúc rửa, hàn, nắn phuy xăng, dầu.	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động trực tiếp của xăng, dầu.
6	Đo tính xăng, dầu trên các bể loại lớn.	Chịu tác động của hơi xăng, dầu vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần, tư thế làm việc gò bó.
7	Vệ sinh công nghiệp ở kho, bãi xăng, dầu	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động trực tiếp của xăng, dầu.
8	Pha chế xăng, dầu ở kho bãi lớn.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của xăng, dầu.
9	Sản xuất thùng phuy bồn, bể chứa xăng, dầu các loại.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của tiếng ồn cao.
10	Lái, phụ xe vận tải xăng, dầu, nhựa đường và các sản phẩm hóa dầu.	Công việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, xăng và dầu.
11	Lái xe nâng hàng trong kho xăng, dầu và các sản phẩm hóa dầu.	Chịu tác động của xăng, dầu và các sản phẩm hóa dầu trong suốt ca làm việc.
12	Hóa nghiệm xăng, dầu và các sản phẩm hóa dầu.	Thường xuyên tiếp xúc với xăng, dầu và các hóa chất độc.
13	Duy tu, sửa chữa đường ống xăng, dầu	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với xăng, dầu.
14	Sửa chữa thiết bị ngành xăng dầu; sửa chữa ô tô, tàu, xà lan chờ xăng, dầu và các sản phẩm hóa dầu.	Tư thế làm việc gò bó, luôn tiếp xúc với dầu mỡ, chịu tác động của tiếng ồn.
15	Vận hành máy thông gió trong hang hầm.	Chịu tác động của tiếng ồn, hơi xăng, dầu.
16	Vận hành lò hơi pha chế dầu, lò bảo ôn nhựa đường.	Chịu tác động của nóng, ồn, hơi dầu và dung môi hữu cơ.
17	Bán buôn, bán lẻ xi măng.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi xi măng vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
18	Thủ kho, bảo quản hóa chất độc.	Làm việc trong kho kín, chịu tác động của nhiều loại hóa chất độc.
19	Bán hàng, đóng gói lẻ hóa chất độc.	Nơi làm việc chật hẹp, chịu tác động của các hóa chất độc hại.
20	Lái xe vận tải chuyên dùng chở hóa chất.	Chịu tác động của ồn, rung và hóa chất độc nguy hiểm.
21	Hóa nghiệm kiểm tra chất lượng hóa chất.	Thường xuyên tiếp xúc với các hóa chất độc.
22	Giám định tàu thủy trước khi phá dỡ hoặc sửa chữa.	Làm việc dưới hầm tàu (sâu 20 - 30m) trong điều kiện môi trường độc hại, thiếu dưỡng khí và nguy hiểm.
23	Giám định các công trình xây dựng thiết bị toàn bộ	Công việc lưu động, ngoài trời, chịu ảnh hưởng của nắng, nóng, gió, bụi.
24	Giám định hàng hóa xuất, nhập khẩu ở các kho, bãi, hầm chứa hàng.	Công việc lưu động, ngoài trời, chịu ảnh hưởng của bụi bản lớn, nóng, lạnh (kho lạnh)
25	Phân tích, kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa xuất nhập khẩu trong phòng thí nghiệm.	Phải thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc hại.
26	Khử trùng, xông hơi, chiếu xạ đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	Tiếp xúc trực tiếp với hóa chất để khử trùng như Phosphin (PH ₃) methyl bromide (CH ₃ Br), DDVP. Nơi làm việc chật hẹp, thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí.
27	Nạp khí dầu hóa lỏng (LPG) vào chai LPG	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, nguy cơ cháy nổ cao
28	Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống công nghệ, thiết bị trong tồn trữ, vận chuyển, bảo quản và nạp LPG	Thường xuyên làm việc ngoài trời, tiếp xúc trực tiếp với môi trường có LPG ở thể hơi, nguy cơ cháy nổ cao
29	Bảo vệ tuân tra canh gác, phòng cháy chữa cháy tại các cơ sở tồn trữ, bảo quản và nạp LPG	Nơi làm việc nguy hiểm, nguy cơ cháy nổ cao; thường xuyên làm việc ngoài trời, chịu tác động của nhiệt độ và bức xạ nhiệt, căng thẳng thần kinh

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
30	Thủ kho giao nhận hàng hóa tại các cơ sở tồn trữ, bảo quản và nạp LPG	Thường xuyên làm việc ngoài trời, nơi làm việc nguy hiểm, nguy cơ cháy nổ cao; chịu tác động của nhiệt độ và bức xạ nhiệt; căng thẳng thần kinh.
31	Lái xe vận chuyển bồn LPG, vận chuyển chai LPG và LPG chai	Công việc nặng nhọc; nguy cơ cháy nổ cao; rung, ồn, nguy hiểm; căng thẳng thần kinh tâm lý
32	Lái xe nâng tại các cơ sở tồn trữ, bảo quản và nạp LPG	Thường xuyên làm việc ngoài trời; Nơi làm việc nguy hiểm, nguy cơ cháy nổ cao; chịu tác động của nhiệt độ và bức xạ nhiệt
33	Bán LPG chai	Công việc nặng nhọc; thường xuyên di chuyển trên đường, căng thẳng thần kinh; chịu tác động của nhiệt độ và bức xạ nhiệt
34	Lái xe cứu hỏa trong kho xăng dầu	Thường xuyên làm việc trong môi trường nguy hiểm, căng thẳng thần kinh, chịu tác động của ồn, hơi xăng dầu
35	Bảo vệ kho, đường ống xăng dầu	Đi lại nhiều, chịu tác động của hơi xăng, dầu.
36	Lái, phụ xe vận tải xăng, dầu, nhựa đường và các sản phẩm hóa dầu	Chịu tác động của xăng, dầu và các sản phẩm hóa dầu trong suốt ca làm việc.

XIII. PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
Điều kiện lao động loại VI		
1	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng máy phát hình, phát thanh FM có tổng công suất từ 40 KW trở lên hoặc có tổng công suất từ 20 KW trở lên đặt ở núi cao trên 1000 m	Thường xuyên làm việc trong môi trường điện từ trường cao tần và siêu cao tần vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần. Chịu tác động của tiếng ồn cao, căng thẳng thần kinh tâm lý.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
2	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng máy phát thanh có tổng công suất 1000KW trở lên	Công việc căng thẳng, thường xuyên tiếp xúc với điện từ trường cao tần, siêu cao tần vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần và tiếng ồn.
3	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cột ăng ten phát thanh, phát hình cao từ 100 m trở lên.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, rất nặng nhọc và nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của điện từ trường.
Điều kiện lao động loại V		
1	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cột ăng ten phát thanh, phát hình cao từ 30m đến dưới 100 m.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của điện từ trường.
2	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng máy phát thanh MW, SW có tổng công suất 200 KW đến dưới 1000 KW	Công việc căng thẳng, chịu tác động của điện từ trường vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần và tiếng ồn.
3	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng máy phát hình, máy phát thanh FM có tổng công suất từ 10 KW đến dưới 40 KW.	Công việc căng thẳng, thường xuyên tiếp xúc với điện từ trường cao tần và siêu cao tần vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều.
Điều kiện lao động loại IV		
1	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng máy phát thanh MW, SW có tổng công suất từ 2 KW đến dưới 200 KW.	Thường xuyên tiếp xúc với điện từ trường và tiếng ồn cao.
2	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng máy phát hình, phát thanh FM có tổng công suất từ 500W đến dưới 10 KW và thiết bị thông tin vệ tinh.	Thường xuyên làm việc trong môi trường có điện từ trường vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều, chịu ảnh hưởng của tiếng ồn, căng thẳng thần kinh tâm lý.
3	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị phát thanh, phát hình vi ba ở các trạm trên núi, biên giới, hải đảo, hẻm sâu.	Giải quyết nhiều công việc trong điều kiện phức tạp, thường xuyên chịu tác động của điện từ trường.
4	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị phát thanh, phát hình, vi ba.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của tiếng ồn và điện từ trường.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
5	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cột ăng ten phát thanh, phát hình dưới 30m	Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của mưa, nắng, gió và điện từ trường.
6	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình.	Căng thẳng thần kinh, chịu tác động của tiếng ồn và điện từ trường.
7	Quản lý kho băng tư liệu phát thanh, phát hình.	Làm việc trong phòng kín, thiếu dưỡng khí, chịu tác động của hóa chất bảo vệ băng tư liệu
8	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị trong trung tâm tin, điều hành và kiểm tra sóng phát thanh phát hình.	Công việc căng thẳng thị giác, thính giác, chịu tác động của ồn và điện từ trường.
9	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điều hòa trung tâm có công suất từ 10.000 BTU trở lên.	Thường xuyên tiếp xúc với tiếng ồn, hơi khí độc và dầu mỡ.
10	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống cung cấp điện cho đài phát thanh, phát hình và trung tâm sản xuất chương trình	Nơi làm việc không có định, tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của tiếng ồn và điện từ trường.
11	Bảo vệ đường dây phi-đơ, bãi ăng ten ở các đài phát sóng phát thanh có tổng công suất từ 100 KW trở lên.	Làm việc ngoài trời, phải đi lại nhiều, chịu tác động của điện từ trường vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.
12	Phát thanh viên đài phát thanh, phát hình.	Công việc căng thẳng, làm việc trong phòng kín thiếu dưỡng khí, chịu tác động của ánh sáng có cường độ mạnh và điện từ trường.

XIV. DỰ TRÙ QUỐC GIA

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
		Điều kiện lao động loại V
1	Phun thuốc phòng và diệt côn trùng trong các kho dự trữ	Tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của nhiều loại hóa chất mạnh (như malathion, nhóm phát...))

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
Điều kiện lao động loại IV		
1	Thủ kho, bảo quản lương thực dự trữ.	Nơi làm việc chật hẹp, nóng, kém thông thoáng, tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của bụi và các hóa chất độc chống mối, mọt.
2	Thủ kho, bảo quản xăng, lớp dự trữ.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, nơi làm việc kém thông thoáng, thiếu ánh sáng, ảnh hưởng của bụi (bột tale).
3	Thủ kho, bảo quản xe máy, thiết bị kim khí dự trữ	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với dầu mỡ, xăng...
4	Thủ kho, bảo quản vật tư, thiết bị cứu hộ, cứu nạn.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, nơi làm việc kém thông thoáng, thiếu ánh sáng, ảnh hưởng của bụi (bột tale), tiếp xúc với dầu mỡ, xăng...

XV. Y TẾ VÀ DƯỢC

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
Điều kiện lao động loại VI		
1	Thực tiếp khám, điều trị, phục vụ người nhiễm HIV, AIDS.	Công việc rất nguy hiểm, nguy cơ lây nhiễm cao bệnh không có khả năng cứu chữa, căng thẳng bệnh nhân thân kinh tâm lý.
2	Giải phẫu bệnh lý đại thể, liệt xác, ướp xác, khám nghiệm tử thi, vệ sinh nhà xác.	Thường xuyên tiếp xúc với xác chết, các vi khuẩn có hại và các hóa chất độc, căng thẳng thần kinh tâm lý. Thường xuyên tiếp xúc với các phủ tạng nhiễm bệnh, hôi thối và các hóa chất độc.
Điều kiện lao động loại V		
1	Giải phẫu bệnh lý vi thể, chuyên trách kiểm nghiệm độc chất pháp y.	Thường xuyên tiếp xúc với các phủ tạng nhiễm bệnh, hôi thối và các hóa chất độc.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
2	Đứng máy, phụ máy, chuyên sửa chữa, kiểm chuẩn, vận hành máy: chiếu xạ, X-quang, MRI, CT-Scanner, PET CT, số hóa xóa nền (DSA can thiệp nội khoa), máy C-Arm, xạ trị gia tốc tuyến tính, máy cobalt, sử dụng kim radium, các chất phóng xạ khác để điều trị và chẩn đoán bệnh.	Tiếp xúc với bức xạ ion hóa vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều và các nguồn lây nhiễm.
3	Chuyên sửa chữa kiểm chuẩn máy hút đờm, mù.	Thường xuyên tiếp xúc với chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao.
4	Trực tiếp khám, điều trị, xét nghiệm và phục vụ bệnh nhân phong, tâm thần, lao và các bệnh truyền nhiễm.	Thường xuyên làm việc ở nơi có nguy cơ lây nhiễm cao, căng thẳng thần kinh tâm lý.
5	Mổ, phụ mổ, gây mê, hồi sức, chuyên cấp cứu; theo dõi hồi sức sau mổ, trực tiếp khám, điều trị, phục vụ trẻ sơ sinh bệnh lý.	Công việc nặng nhọc, rất căng thẳng thần kinh tâm lý, làm việc không kể ngày đêm.
6	Trực tiếp khám, điều trị phục vụ, chăm sóc bệnh nhân ung thư, bông, xuất huyết não, liệt, chấn thương cột sống, sọ não, trẻ em bại não, bệnh nhân lão khoa giai đoạn cuối đời, bệnh nhân sa sút trí tuệ, loét ti đê độ III-IV, bệnh nhân khoa chống độc, bệnh nhân nặng ở các khoa lâm sàng.	Công việc nặng nhọc, rất căng thẳng thần kinh tâm lý, làm việc không kể ngày đêm, phải theo dõi bệnh nhân thường xuyên, liên tục, vận hành, sử dụng nhiều loại máy, thiết bị.
7	Chuyên xét nghiệm bệnh tối nguy hiểm (dịch tả, dịch hạch, viêm gan, viêm não, HIV và các bệnh lạ nguy hiểm khác).	Làm việc trong phòng kín, tiếp xúc với hóa chất độc, vi sinh vật gây bệnh tối nguy hiểm có nguy cơ lây nhiễm cao.
8	Diệt chuột, côn trùng và vi khuẩn gây bệnh.	Thường xuyên tiếp xúc với ổ bệnh, dịch nguy hiểm và hóa chất độc mạnh.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
9	Trực tiếp thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý, tiêu hủy chất thải y tế nguy hại, các bộ phận cắt, lọc của cơ thể. Vận hành hệ thống xử lý nước thải, chất thải và nạo vét cống rãnh trong bệnh viện.	Công việc thủ công, nặng nhọc; thường xuyên tiếp xúc với chất thải y tế và nguồn lây nhiễm cao. Nơi làm việc ô nhiễm, chịu tác động của ồn và các hóa chất (NaOH, H ₂ SO ₄ , H ₂ S). Công việc không có định; tiếp xúc bụi bẩn, ẩm ướt, nấm mốc vi sinh.
10	Giặt, xử lý quần áo bệnh nhân bằng tay.	Công việc nặng nhọc, ẩm ướt; thường xuyên tiếp xúc với hóa chất tẩy rửa và các chất bẩn có nguy cơ lây nhiễm bệnh cao.
11	Sản xuất cao thuốc phiện và các dẫn xuất từ cao thuốc phiện.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng, ồn, bụi được liệ và các bụi hữu cơ khác, tâm lý căng thẳng trong ca làm việc. Thường xuyên tiếp xúc với dung môi hữu cơ, các hóa chất độc.
12	Sản xuất Ete.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của dung môi và các hóa chất độc hại.
13	Sản xuất các sản phẩm hóa dược có sử dụng dung môi hữu cơ.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của các dung môi và các hóa chất độc hại trong quá trình sản xuất.
14	Sản xuất nguyên liệu kháng sinh.	Công việc chịu tác động của các hóa chất, dung môi và nồng độ cao của kháng sinh nguyên liệu, dễ gây kích ứng và ảnh hưởng đến sức khỏe
15	Sản xuất Artemisinin và các dẫn xuất.	Công việc chịu tác động của các hóa chất, dung môi và nồng độ cao của nguyên liệu bảo chế thuốc phòng chống sốt rét, dễ gây kích ứng và ảnh hưởng đến sức khỏe.
16	Chuyên bảo chế sản xuất thuốc độc bảng A, B. Sản xuất và chế thử các loại thuốc độc mạnh như: thuốc phiện Mocfin, campho tổng hợp, Tecpinhydrat, chiết xuất mã tiền, cà độc dược và các loại thuốc độc bảng A.	Công việc chịu tác động của các hóa chất, dung môi và nồng độ cao của các thuốc và hóa chất độc, dễ gây kích ứng và ảnh hưởng đến sức khỏe.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
17	Chuyên xay, rây, pha chế các loại thuốc: Kháng sinh, hoocmon, hướng tâm thần, gây nghiện, thuốc sốt rét.	Công việc chịu tác động của các hóa chất, dung môi và nồng độ cao của nguyên liệu bảo chế, dễ gây kích ứng và ảnh hưởng đến sức khỏe.
18	Sản xuất bột thạch cao (đập đá, sắp đá vào lò, đốt lò, ra lò, xay, đóng hộp) và sản xuất khuôn chi	Công việc thủ công nặng nhọc; chịu ảnh hưởng của nhiệt độ cao, bụi silíc, khí CO, CO ₂ vượt tiêu chuẩn cho phép.
Điều kiện lao động loại IV		
1	Làm việc trong các cơ sở điều trị bệnh nhân phong, lao, tâm thần.	Thường xuyên làm việc trong môi trường lây bệnh nguy cơ lây nhiễm cao.
2	Trực tiếp khám, điều trị, phục vụ bệnh nhân da liễu, hoa liễu, viêm tắc mạch chi, trĩ, ngoại, tiết niệu, hậu môn nhân tạo, nội soi.	Thường xuyên tiếp xúc với bệnh nhân lở loét, hôi thối, nguy cơ lây nhiễm cao.
3	Đỡ đẽ, khám, điều trị các bệnh phụ khoa, công việc hỗ trợ sinh sản	Công việc nặng nhọc, giải quyết nhiều công việc phức tạp, môi trường có nguy cơ lây nhiễm cao, căng thẳng thần kinh tâm lý
4	Rửa tráng phim X quang.	Làm việc trong phòng kín, thiếu ánh sáng, căng thẳng thị giác, tiếp xúc với hóa chất độc
5	Xoa bóp, day bấm huyệt, vận động trị liệu, kéo nắn xương, bó bột. Dùng các máy cao tần, vi sóng điều trị bệnh.	Công việc nặng nhọc, căng thẳng thần kinh tâm lý.
6	Hộ lý làm việc tại các cơ sở y tế, điều trị.	Công việc thủ công, nặng nhọc, tiếp xúc với các chất thải của bệnh nhân và vi sinh vật gây bệnh.
7	Rửa, sấy, hấp tiệt trùng, tiêu hủy các dụng cụ, bệnh phẩm, chai lọ thí nghiệm, đựng thuốc, vaccin, huyết thanh, chế phẩm sinh học.	Nơi làm việc ẩm ướt, thường xuyên tiếp xúc với các hóa chất và các chất thải bản thủ, dễ lây nhiễm bệnh, hóa chất tẩy rửa (NaOH), các hóa chất độc khác và các nguồn lây nhiễm.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
8	Điều tra côn trùng y học (bọ chét, ve, mò, mạt, muỗi truyền sốt rét, giun chỉ, sốt xuất huyết, viêm não); điều tra, giám sát và chống dịch.	Công việc nguy hiểm, thường xuyên lưu động ở các vùng rừng, núi, biên giới, hải đảo, nguy cơ nhiễm bệnh cao.
9	Kiểm dịch nơi biên giới, hải cảng.	Thường xuyên lưu động trên biển, các vùng biên giới, hải đảo, tiếp xúc với hóa chất độc và vi sinh vật gây bệnh.
10	Nghiên cứu hóa chất diệt côn trùng truyền bệnh cho người.	Thường xuyên tiếp xúc với các hóa chất độc mạnh, có nguy cơ ảnh hưởng trên người.
11	Nghiên cứu, sản xuất, chế biến các loại vacxin và huyết thanh phòng, chữa bệnh.	Làm việc trong phòng kín, kém thông thoáng, tiếp xúc với hóa chất độc và xúc vật bị nhiễm bệnh, dễ bị lây nhiễm.
12	Công việc xét nghiệm vi sinh vật, sinh hóa, huyết học. Xét nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm: Kiểm nghiệm độc tố vi nấm, độc tố tự nhiên, tồn dư hóa chất bảo vệ thực vật, tồn dư kháng sinh, hormon, kim loại nặng, chỉ tiêu hóa lý, phụ gia và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, tìm nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm.	Làm việc trong phòng kín, tiếp xúc với hóa chất độc và các vi sinh vật gây bệnh, dễ bị lây nhiễm, các máy thiết bị khí nén, ồn, có nguy cơ cháy nổ. Thường xuyên tiếp xúc với các yếu tố vi sinh, độc tố tự nhiên, tồn dư hóa chất bảo vệ thực vật, kim loại nặng... có nguy cơ ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe. Tiếp xúc với các hóa chất độc hại trong phòng xét nghiệm, thí nghiệm như acetyl nitrit, pyridine, hexan,... nguy cơ gây ung thư, đột biến gen. Làm việc với các máy có nguy cơ, áp suất, hóa chất sử dụng trong quá trình xét nghiệm
13	Giữ giống, chủng vi sinh vật, kỹ sinh trùng.	Thường xuyên tiếp xúc với mẫu máu, phân súc vật bị nhiễm bệnh, khả năng lây nhiễm bệnh cao
14	Công việc phục vụ chạy thận nhân tạo và nội soi.	Tư thế lao động gò bó, căng thẳng thị giác, tiếp xúc với bệnh phẩm bị bệnh.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
15	Trực tiếp khám, điều trị, phục vụ bệnh nhân ở các khoa (phòng) khám bệnh, cấp cứu của bệnh viện.	Làm việc trong môi trường có nguy cơ lây nhiễm cao; căng thẳng thần kinh tâm lý.
16	Sửa chữa máy, thiết bị y tế tại buồng bệnh và trong phòng thí nghiệm.	Công việc vất vả, tư thế lao động gò bó; thường xuyên tiếp xúc với dầu mỡ, hóa chất và môi trường làm việc có nguy cơ lây nhiễm cao.
17	Tìm kiếm, thăm dò, khai thác dược liệu	Công việc nặng nhọc, phải đi lại nhiều, thường xuyên lưu động các vùng rừng, núi.
18	Chuyên xông sấy dược liệu bằng phốt pho kẽm và lưu huỳnh	Thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc nồng độ cao.
19	Nghiên cứu dược liệu, xét nghiệm dược lý, hóa thực vật, đông dược, dược động học trong điều trị bệnh.	Thường xuyên tiếp xúc với dung môi hữu cơ, các hóa chất độc và các động vật bị nhiễm bệnh
20	Trực tiếp sao tẩm, tán, rây, xay, nhào trộn dược liệu thủ công và bán thủ công tại các bệnh viện y học dân tộc.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng, ồn và bụi dược liệu.
21	Sản xuất chất hấp thụ silicazen, ống chuẩn độ (dung dịch mẹ) để phân tích sắc ký.	Thường xuyên tiếp xúc với a xít đậm đặc (H ₂ SO ₄ , HCl, HNO ₃ ...) rất độc và nguy hiểm.
22	Lấy mẫu, phân tích, đánh giá các yếu tố có hại về vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường thuộc hệ dự phòng, vệ sinh phòng dịch.	Chịu tác động của các yếu tố độc hại, nguy hiểm của môi trường lao động.
23	Sản xuất chỉ phẫu thuật tự tiêu.	Chịu tác động của nóng và các loại hóa chất độc.
24	Chế biến, pha trộn, cán, ép, ly tâm, lưu hóa cao su để sản xuất dụng cụ y tế (điều khiển máy nhúng và tạo hình trong sản xuất condom, găng cao su, thu gom, lột găng cao su, lưu hóa sản phẩm cao su)	Thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc, nhiệt độ cao, mùi vị khó chịu. Thường xuyên tiếp xúc với nóng, ồn bụi và hóa chất độc.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
25	Thủ kho sang chai, đóng gói lẻ hóa chất kiểm soát quân	Lao động thể lực, tiếp xúc với nóng, ồn hơi hóa chất, được liệu độc hóa chất độc.
26	Chăn nuôi động vật thí nghiệm để phục vụ cho y học và sản xuất vacxin.	Thường xuyên tiếp xúc với chất thải của động vật và nguồn lây bệnh.
27	Sắc thuốc tập trung bằng phương pháp thủ công.	Nơi làm việc chật hẹp, chịu tác động của nóng, CO và CO ₂ .
28	Sản xuất các sản phẩm hóa được ở các khâu sử dụng axit vô cơ mạnh, kiềm mạnh, còn, tinh dầu thông.	Thường xuyên tiếp xúc với dung môi hữu cơ, các hóa chất độc.
29	Nuôi và lấy nọc rắn độc.	Thường xuyên tiếp xúc với rắn độc, căng thẳng thần kinh tâm lý, nguy cơ sai sót rủi ro ảnh hưởng đến tính mạng,
30	Sản xuất Clorallhydrat và cloramim.	Công việc tiếp xúc với hơi hóa chất diệt khuẩn tinh chất, có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe.
31	Hòa tan, cô, vớt, vẩy, rửa, sấy, xay, rây, đóng gói hồ các sản phẩm hóa được.	Công việc nặng nhọc, tâm lý căng thẳng trong ca làm việc. Thường xuyên tiếp xúc với dung môi hữu cơ, các hóa chất độc.
32	Chiết xuất, tinh chế các hoạt chất từ dược liệu.	Thường xuyên tiếp xúc với dung môi hữu cơ, các hóa chất độc có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe.
33	Chuyên nấu cao thảo mộc, cao động vật.	Công việc ca kíp, tiếp xúc với nóng, hơi thuốc, hơi dung môi sử dụng trong chiết xuất dược liệu và cao động vật.
34	Băm, chặt, sao, tẩm, phơi sấy, chảy mốc dược liệu bằng thủ công.	Lao động thể lực, tiếp xúc với nóng, ồn hơi hóa chất, dược liệu.
35	Xay, rây, nhào trộn, pha chế các loại dược chất, tá dược, vận hành máy đập và bao viên thuốc.	Lao động thể lực, tiếp xúc với nóng, ồn từ máy đập, máy bao, hơi hóa chất, dược liệu, hơi tá dược.
36	Pha chế, đóng thuốc dầu nước, cao xoa.	Thường xuyên tiếp xúc với hơi dung môi, hóa chất, hơi tinh dầu hóa học và có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe.

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
37	Pha chế đóng, hàn thuốc tiêm bằng công nghệ chân không; đóng hàn kháng sinh ở dạng bột.	Lao động thể lực, tiếp xúc với nóng, ồn từ máy pha khuấy, máy hàn, hơi hóa chất, được liệu, hơi tá được và kháng sinh.
38	Sản xuất các loại thuốc từ phủ tạng, thuốc subtilis.	Nguy cơ lây nhiễm tác nhân sinh học từ các phủ tạng, tiếp xúc với hóa chất, dung môi trong quá trình sản xuất.
39	Vận hành máy cất nước, bằng phương pháp nhiệt.	Công việc thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, tiếng ồn, công việc thủ công căng thẳng kéo dài.
40	Chuyên ủi, kéo, rửa, vẩy ống tiêm bằng thủ công.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu ảnh hưởng của nóng.
41	Chiết xuất và sản xuất thử các sản phẩm hóa dược.	Thường xuyên tiếp xúc với hơi dung môi, hóa chất, hơi sản phẩm hóa dược và có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe.
42	Chuyên bốc vắc thủ công tại các cơ sở y tế (nguyên liệu, được liệu, được phẩm,...)	Lao động thể lực, tiếp xúc với nóng, ồn hơi hóa chất, được liệu.
43	Trực tiếp kiểm nghiệm các sản phẩm hóa dược, được phẩm, mỹ phẩm, phân tích hóa lý, hóa thực vật, đóng dược, được lý. Kiểm nghiệm thuốc và nguyên liệu làm thuốc.	Căng thẳng thần kinh tâm lý, tiếp xúc thường xuyên với hơi hóa dược, mỹ phẩm
44	Thủ kho kiểm bảo quản nguyên liệu, được liệu độc A, B	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc hóa chất độc, nóng và bụi.
45	Giặt, làm sạch, phơi, là ủi quần áo ga giường, chăn, gối, đệm,...của bệnh nhân.	Công việc nặng nhọc, ẩm ướt; thường xuyên tiếp xúc với hóa chất tẩy rửa và các chất bẩn có nguy cơ lây nhiễm bệnh cao.
46	Vệ sinh công nghiệp trong các xí nghiệp sản xuất dược và trang thiết bị y tế.	Công việc nặng nhọc, môi trường độc hại, thường xuyên tiếp xúc với các hóa chất có hại

(Xem tiếp Công báo số 303 + 304)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng